

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

ĐỖ THỊ HẰNG NGA

**QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VỀ
CON NGƯỜI VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TRONG
VIỆC PHÁT HUY NHÂN TỐ CON NGƯỜI THỜI KỲ
CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

**2014 | PDF | 101 Pages
buihuuhanh@gmail.com**

Đà Nẵng – Năm 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

ĐỖ THỊ HẰNG NGA

**QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VỀ
CON NGƯỜI VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TRONG
VIỆC PHÁT HUY NHÂN TỐ CON NGƯỜI THỜI KỲ
CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ**

Chuyên ngành: TRIẾT HỌC

Mã số : 60.22.80

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Phạm Văn Đức

Đà Nẵng – Năm 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn này hoàn toàn trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận văn

Đỗ Thị Hằng Nga

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
4. Phương pháp nghiên cứu	3
5. Kết cấu luận văn	3
6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu	4
CHƯƠNG 1. QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VỀ CON NGƯỜI VÀ VAI TRÒ CỦA CON NGƯỜI TRONG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT XÃ HỘI	8
1.1. QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VỀ CON NGƯỜI.....	8
1.1.1. Một số quan điểm triết học trước Mác về con người.....	8
1.1.2. Quan niệm triết học Mác – Lênin về bản chất con người.....	12
1.2. QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VỀ VAI TRÒ CỦA CON NGƯỜI TRONG SỰ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT XÃ HỘI.....	18
1.3. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI VÀ CON NGƯỜI TRONG XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....	25
CHƯƠNG 2. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ NHÂN TỐ CON NGƯỜI VÀ VIỆC PHÁT HUY NHÂN TỐ CON NGƯỜI TRONG THỜI KỶ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA	32
2.1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ NHỮNG YÊU CẦU CỦA CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐỐI VỚI CON NGƯỜI	32
2.1.1 Tính tất yếu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa	32
2.1.2 Những yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với con người.....	35

2.2 QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ NHÂN TỐ CON NGƯỜI VÀ VIỆC PHÁT HUY NHÂN TỐ CON NGƯỜI TRONG THỜI KỶ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC	42
2.2.1 Quan điểm của Đảng về nhân tố con người trong quá trình CNH, HĐH đất nước	42
2.2.2 Quan điểm của Đảng về phát huy nhân tố con người	51
CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY NHÂN TỐ CON NGƯỜI TRONG THỜI KỶ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA.....	63
3.1 THỰC TRẠNG VIỆC PHÁT HUY NHÂN TỐ CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG THỜI KỶ ĐỔI MỚI.	63
3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM PHÁT HUY NHÂN TỐ CON NGƯỜI TRONG THỜI KỶ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA	70
KẾT LUẬN	84
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN (Bản sao)	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Ý nghĩa
CNH	Công nghiệp hoá
HDH	Hiện đại hoá

DANH MỤC HÌNH VẼ

Số hiệu hình vẽ	Tên hình vẽ	Trang
2.1	Việt Nam đi vào thế kỷ XXI: công nghiệp hoá, hiện đại hoá	33
2.2	Các nhân tố phát triển kinh tế - xã hội (theo ngân hàng thế giới)	48
2.3	Nguồn lực người – yếu tố cơ bản của phát triển kinh tế - xã hội	49

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngày nay thế giới đang diễn ra những biến đổi nhanh chóng, sâu sắc và phức tạp, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện nay đang phát triển như vũ bão, đặc biệt là cách mạng thông tin đang tạo ra sự biến đổi về chất chưa từng có trong lực lượng sản xuất, đưa nhân loại từng bước quá độ sang trình độ văn minh mới – văn minh trí tuệ. Các nước phát triển đang từ nền kinh tế công nghiệp chuyển sang nền kinh tế tri thức và khoa học thông tin toàn cầu. Nói cách khác trong khi các nước khác đã hoàn thành hai cuộc cách mạng công nghiệp và đang thực hiện cách mạng thông tin thì nước ta bước sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá với định hướng phát triển nhằm mục tiêu: *“Xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất – kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”*. Thực chất của những định hướng trên của Đảng là phát triển vì con người, vì cuộc sống ấm no hạnh phúc cho quần chúng nhân dân lao động.

Đất nước đang đứng trước những vận hội lớn, đồng thời phải đương đầu với những khó khăn thử thách lớn rất quyết liệt để giải quyết mâu thuẫn giữa trình độ thấp kém của lực lượng sản xuất với yêu cầu rất cao của nền sản xuất hiện đại, của chủ nghĩa xã hội và không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Vì vậy vấn đề sống còn của đất nước lúc này là phải xây dựng một đất nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh bằng đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Sự nghiệp này có thành công hay không hoàn toàn phụ thuộc vào việc chúng ta có biết khai thác và phát huy nguồn lực nội sinh của dân tộc hay không. Đối

với nước ta, một nước nông nghiệp còn nghèo nàn, lạc hậu tiến lên công nghiệp hoá, hiện đại hoá thì nguồn lực con người, vai trò của nhân tố con người là quan trọng nhất. Điều này đòi hỏi Đảng ta phải có những quan điểm, đường lối đúng đắn để phát huy những nhân tố nội sinh, những sức mạnh và khả năng vốn có của con người Việt Nam đã được luyện trong đấu tranh cách mạng, phải nhận thức một cách sâu sắc, đầy đủ những giá trị lớn lao và ý nghĩa quyết định của nhân tố con người – chủ thể của mọi người sáng tạo, mọi nguồn của cải vật chất và văn hoá tinh thần, phải có sự thay đổi sâu sắc cách nhìn, cách nghĩ, cách hành động của con người và coi việc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người như một cuộc cách mạng – cách mạng con người.

Hơn nữa, khi mà khoa học – kỹ thuật đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp tạo nên năng suất lao động vượt bậc thì nhân tố con người càng giữ vai trò hết sức quan trọng trong quá trình sản xuất xã hội. Tiến trình lịch sử đã chứng minh về mặt lý luận và thực tiễn vai trò nhân tố con người có ý nghĩa quyết định cho xu hướng vận động của thế giới đương đại, là “*nguồn lực của mọi nguồn lực*”, là tài nguyên quý báu, lớn nhất của mọi quốc gia.

Đó là lý do chúng tôi chọn đề tài: “*Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người và sự vận dụng của Đảng trong việc phát huy nhân tố con người thời kỳ thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá*”.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích của luận văn là trên cơ sở nghiên cứu những quan điểm của triết học Mác - Lênin về con người, luận văn góp phần làm rõ vai trò của nhân tố con người, thực trạng phát huy nhân tố con người. Qua đó mạnh dạn đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy tới mức cao nhất nhân tố con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Để thực hiện mục đích trên, luận văn có những nhiệm vụ sau:

- Thứ nhất, trình bày khái quát quan điểm của triết học Mác – Lênin về con người và vai trò của con người trong sự phát triển sản xuất xã hội

- Thứ hai, trình bày quan điểm của Đảng ta về vai trò của nhân tố con người, và việc phát huy nhân tố đó trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta.

- Thứ ba, trên cơ sở nghiên cứu những quan điểm của triết học Mác - Lênin về con người, từ thực trạng nhân tố con người trong thời kỳ CNH, HĐH, luận văn đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm phát huy nhân tố con người thời kỳ CNH, HĐH ở nước ta.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng của luận văn là quan điểm của Triết học Mác – Lênin về con người, *sự vận dụng quan điểm đó của Đảng ta vào việc phát huy nguồn lực con người trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.*

- Phạm vi nghiên cứu: nghiên cứu con người trong thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện dựa trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh về con người, những quan điểm của Đảng ta về nhân tố con người và phát huy nhân tố con người.

Đề tài sử dụng kết hợp các phương pháp lịch sử, phương pháp lịch sử Đảng, phương pháp logic, phương pháp phân tích tổng hợp cùng phương pháp so sánh; kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.

5. Kết cấu luận văn

Luận văn ngoài phần mở đầu, kết luận và phần phụ lục bao gồm 3 chương:

Chương 1: Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người và vai trò của con người trong phát triển sản xuất xã hội.

Chương 2: Quan điểm của Đảng về nhân tố con người và việc phát huy nhân tố con người trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Chương 3: Thực trạng và giải pháp phát huy nhân tố con người của Đảng trong thời kỳ CNH, HĐH.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Đề tài con người là một trong những vấn đề lớn nhất, phức tạp nhất và được đặt ra sớm nhất trong lịch sử nhân loại. Đó là một đề tài cũ nhưng nội dung của nó luôn mới. Con người là chủ thể, tích cực, sáng tạo hoạt động thực tiễn và cải tạo thế giới, qua đó cải tạo luôn cả bản thân mình, nên vấn đề đó luôn có nội dung sống động, phức tạp và nhiều mặt nhất.

Trong những thập niên gần đây những nhà lý luận đã dành sự quan tâm đặc biệt vào việc xét con người như một chủ thể tích cực của quá trình cải biến cách mạng toàn bộ xã hội, phát triển nền kinh tế, văn hoá, phát huy tính tích cực của nó trong xây dựng đất nước.

Ở Liên Xô trước đây, yếu tố con người đã được các nhà lý luận nghiên cứu trên những góc độ khác nhau như vai trò của con người trong chiến lược phát triển nhanh chóng nền kinh tế - xã hội, tính tích cực xã hội của con người và các con đường nâng cao tính tích cực đó trong sự phát triển khoa học, kỹ thuật...(Smiarorop: Con người Xô Viết, Nxb Khoa học Mátxcova, 1983; Afanaxep: Con người trong quản lý xã hội, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1979 – Người dịch: Trần Đại; Abukhova: Con người và tiến bộ khoa học – kỹ thuật, Nxb Khoa học, Mátxcova, 1977...).

Các nước khác cũng nghiên cứu vai trò của con người trong sản xuất và coi đó là yếu tố quan trọng nhất quyết định sự phát triển kinh tế - xã hội: (

William uochi: Mô hình quản lý xí nghiệp Nhật Bản...Thuyết Z. Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam – Viện kinh tế thế giới. Hà Nội 1986).

Ở nước ta từ những năm 1978, vấn đề con người được những người làm công tác nghiên cứu lý luận xem xét trên bình diện nội dung của con người mới và việc xây dựng con người mới, được thể hiện trong công trình của Phạm Như Cương (chủ biên): *Về xây dựng con người mới*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội 1978.

Từ năm 1986 đến nay với đường lối Đổi mới của Đảng ngày càng có nhiều công trình nghiên cứu về con người. Các tác giả đề cập đến các khía cạnh của con người như: *nguồn nhân lực*

+ Nguyễn Trọng Chuẩn: *Nguồn nhân lực trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta đến năm 2000*. Tạp chí Triết học số 4/1990)

+ *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước* (Hồ Trọng Viện, Tạp chí Lý luận chính trị số 1/2003)

+ *Phát triển nguồn nhân lực – động lực của sự phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước* (Nguyễn Bá Dương, Tạp chí Khoa học xã hội số 2(54 -2002)

+ *Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước* (Phạm Minh Hạc, Tạp chí Cộng sản số 3 (7/1996)...

Nhiều cuốn sách viết về nguồn lực con người như:

+ Phạm Minh Hạc (2001), *Nghiên cứu con người và nguồn lực đi vào công nghiệp hoá – hiện đại hoá*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

+ Phạm Minh Hạc (2001), *Giáo dục nhân cách – đào tạo nhân lực*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

+ Mai Quốc Chính (1999), *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu CNH, HDH đất nước*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

+ TS. Vũ Bá Thế (2005), *Phát huy nguồn lực con người để CNH, HĐH*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, Hà Nội.

+ Trần Văn Tùng (2005), *Đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nguồn lực tài năng*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.

+ Viện nghiên cứu con người (2004), *Quản lý nguồn nhân lực ở Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.

Các tác phẩm trên đã nghiên cứu cơ sở lý luận về phát triển nguồn nhân lực trong quá trình CNH, HĐH, đúc kết kinh nghiệm phát triển nguồn nhân lực ở một số nước, phân tích thực trạng của nguồn lực con người nói chung hoặc đi sâu về nguồn nhân lực khoa học-công nghệ ở Việt Nam. Từ đó, đưa ra hệ thống các giải pháp cơ bản để phát triển nguồn nhân lực trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước, góp phần hình thành nền kinh tế tri thức tại Việt Nam

Bên cạnh những bài báo, tạp chí, sách, nhiều tác giả cũng chọn đề tài con người làm đề tài nghiên cứu khoa học, và luận văn thạc sĩ, tiến sĩ:

+ Đề tài khoa học cấp Bộ: Nguồn nhân lực chất lượng cao: *Hiện trạng phát triển, sử dụng và các giải pháp tăng cường*, Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hà Nội – 2006

+ Bùi Thị Quỳnh, *Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người mới xã hội chủ nghĩa và việc xây dựng con người Việt Nam hiện nay*, luận văn thạc sĩ Triết học

+ Lê Thị Ngân (2005), *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tiếp cận kinh tế tri thức*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh...

Có thể nói vấn đề con người đã được các tác giả trong và ngoài nước đề cập đến những khía cạnh khác nhau. Đây là nguồn tư liệu mà đề tài kế thừa để hoàn thành tốt bài của mình. Những vấn đề quan trọng mà chúng tôi quan tâm

là quan điểm của Đảng về nhân tố con người và việc phát huy những nhân tố đó như thế nào trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, qua đó tìm ra các giải pháp để phát huy ngày càng tăng của nhân tố con người trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước thì chưa được chú ý thoả đáng.

Vì thế chúng tôi mạnh dạn tìm hiểu vấn đề này, với lòng mong muốn được góp một phần nhỏ bé vào việc giải thích những cơ sở lý luận và thực tiễn để Đảng ta xác định về vai trò của nhân tố con người và phát huy nhân tố con người trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta hiện nay.

CHƯƠNG 1
QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VỀ
CON NGƯỜI VÀ VAI TRÒ CỦA CON NGƯỜI TRONG
PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT XÃ HỘI

1.1. QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VỀ CON NGƯỜI

1.1.1. Một số quan điểm triết học trước Mác về con người

Trong lịch sử tư tưởng nhân loại, vấn đề con người luôn luôn là chủ đề trung tâm. Dưới nhiều góc độ nhìn của thế giới quan khác nhau, có nhiều cách hiểu khác nhau về con người.

a. Quan niệm về con người trong triết học phương Đông

Từ thời kỳ cổ đại, các trường phái triết học đều tìm cách lý giải vấn đề bản chất con người, quan hệ giữa con người đối với thế giới xung quanh.

Các trường phái triết học - tôn giáo phương Đông như Phật giáo, Hồi giáo nhận thức bản chất con người trên cơ sở thế giới quan duy tâm, thần bí hoặc nhị nguyên luận. Trong triết học Phật giáo, con người là sự kết hợp giữa danh và sắc (vật chất và tinh thần). Đời sống con người trên trần thế chỉ là ảo giác, hư vô. Vì vậy, cuộc đời con người khi còn sống chỉ là sống gửi, là tạm bợ. Cuộc sống vĩnh cửu là phải hướng tới cõi Niết bàn, nơi tinh thần con người được giải thoát để trở thành bất diệt

Như vậy, dù bị chi phối bởi thế giới quan duy tâm hoặc nhị nguyên, suy đến cùng, con người theo quan niệm của các học thuyết tôn giáo phương Đông đều phản ánh sai lầm về bản chất con người, hướng tới thế giới quan thần linh. Trong triết học phương Đông, với sự chi phối bởi thế giới quan duy tâm hoặc duy vật chất phát, biểu hiện trong tư tưởng Nho giáo, Lão giáo, quan niệm về bản chất con người cũng thể hiện một cách phong phú. Khổng Tử cho bản chất con người do “thiên mệnh” chi phối quyết định, đức “nhân”

chính là giá trị cao nhất của con người, đặc biệt là người quân tử. Mạnh Tử quy tính thiện của con người vào năng lực bẩm sinh, do ảnh hưởng của phong tục tập quán xấu mà con người bị nhiễm cái xấu, xa rời cái tốt đẹp. Vì vậy, phải thông qua tu dưỡng, rèn luyện để giữ được đạo đức của mình. Cũng như Khổng Tử, Mạnh Tử cho rằng phải lấy lòng nhân ái, quan hệ đạo đức để dẫn dắt con người hướng tới các giá trị đạo đức tốt đẹp.

Triết học Tuân Tử lại cho rằng bản chất con người khi sinh ra là ác, nhưng có thể cải biến được, phải chống lại cái ác ấy thì con người mới tốt được.

Trong triết học phương Đông, còn có quan niệm duy tâm cho rằng trời và con người còn có thể hoà hợp với nhau (thiên nhân hợp nhất). Đổng Trọng Thư, một người kế thừa Nho giáo theo khuynh hướng duy tâm cực đoan quan niệm rằng trời và con người có thể thông hiểu lẫn nhau (thiên nhân cảm ứng). Nhìn chung, đây là quan điểm duy tâm, quy cuộc đời con người vào vai trò quyết định của “thiên mệnh”.

Lão Tử, người mở đầu cho trường phái Đạo gia, cho rằng con người sinh ra từ “Đạo”. Do vậy, con người phải sống “vô vi”, theo lẽ tự nhiên, thuận phát, không hành động một cách giả tạo, gò ép, trái với tự nhiên. Quan niệm này biểu hiện tư tưởng duy tâm chủ quan của triết học Đạo gia.

Có thể nói rằng, với nhiều hệ thống triết học khác nhau, triết học phương Đông biểu hiện tính đa dạng và phong phú, thiên về vấn đề con người trong mối quan hệ chính trị, đạo đức. Nhìn chung, con người trong triết học phương Đông biểu hiện yếu tố duy tâm, có pha trộn tính chất duy vật chất phác ngây thơ trong mối quan hệ với tự nhiên và xã hội.

b. Quan niệm về con người trong triết học phương Tây trước Mác

Triết học phương Tây trước Mác biểu hiện nhiều quan niệm khác nhau về con người:

Các trường phái triết học tôn giáo phương Tây, đặc biệt là Kitô giáo, nhận thức vấn đề con người trên cơ sở thể giới quan duy tâm, thần bí. Theo Kitô giáo, cuộc sống con người do đấng tối cao an bài, sắp đặt. Con người về bản chất là kẻ có tội. Con người gồm hai phần: thể xác và linh hồn. Thể xác sẽ mất đi nhưng linh hồn thì tồn tại vĩnh cửu. Linh hồn là giá trị cao nhất trong con người. Vì vậy, phải thường xuyên chăm sóc phần linh hồn để hướng đến Thiên đường vĩnh cửu.

Trong triết học Hy Lạp cổ đại, con người được xem là điểm khởi đầu của tư duy triết học. Con người và thể giới xung quanh là tấm gương phản chiếu lẫn nhau. Con người là một tiểu vũ trụ trong vũ trụ bao la. Prôtago một nhà nguy biện cho rằng “con người là thước đo của vũ trụ”. Quan niệm của Arixtôt về con người, cho rằng chỉ có linh hồn, tư duy, trí nhớ, ý trí, năng khiếu nghệ thuật là làm cho con người nổi bật lên, con người là thang bậc cao nhất của vũ trụ. Khi đề cao nhà nước, ông xem con người là “một động vật chính trị”.

Như vậy, triết học Hy Lạp cổ đại bước đầu đã có sự phân biệt con người với tự nhiên, nhưng chỉ là hiểu biết bên ngoài về tồn tại con người.

Triết học Tây Âu trung cổ xem con người là sản phẩm của Thượng đế sáng tạo ra. Mọi số phận, niềm vui, nỗi buồn, sự may rủi của con người đều do Thượng đế xếp đặt. Trí tuệ con người thấp hơn lý trí anh minh sáng suốt của Thượng đế. Con người trở nên nhỏ bé trước cuộc sống nhưng đành bằng lòng với cuộc sống tạm bợ trên trần thế, vì hạnh phúc vĩnh cửu là ở thế giới bên kia.

Triết học thời kỳ phục hưng - cận đại đặc biệt đề cao vai trò trí tuệ, lý tính của con người, xem con người là một thực thể có trí tuệ. Đó là một trong những yếu tố quan trọng nhằm giải thoát con người khỏi mọi gông cùm chật hẹp mà chủ nghĩa thần học thời trung cổ đã áp đặt cho con người. Tuy nhiên,

để nhận thức đầy đủ bản chất con người cả về mặt sinh học và về mặt xã hội thì chưa có trường phái nào đạt được. Con người mới chỉ được nhấn mạnh về mặt cá thể mà xem nhẹ mặt xã hội.

Trong triết học cổ điển Đức, những nhà triết học nổi tiếng như Cantor, Hêghen đã phát triển quan niệm về con người theo khuynh hướng chủ nghĩa duy tâm. Hêghen, với cách nhìn của một nhà duy tâm khách quan, thông qua sự vận động của “ý niệm tuyệt đối”, đã cho rằng, con người là hiện thân của “ý niệm tuyệt đối”. Bước đi hành của “ý niệm tuyệt đối” thông qua quá trình tự ý thức của tư tưởng con người đã đưa con người trở về với giá trị tinh thần, giá trị bản thể và cao nhất trong đời sống con người. Hêghen cũng là người trình bày một cách có hệ thống về các quy luật của quá trình tư duy của con người, làm rõ cơ chế của đời sống tinh thần cá nhân trong mọi hoạt động của con người. Mặc dù con người được nhận thức từ góc độ duy tâm khách quan, nhưng Hêghen là người khẳng định vai trò chủ thể của con người đối với lịch sử, đồng thời là kết quả của sự phát triển lịch sử

Tư tưởng triết học của nhà duy vật Phoiobắc đã vượt qua những hạn chế trong triết học Hêghen để hy vọng tìm đến bản chất con người một cách đích thực. Phoiobắc phê phán tính chất siêu tự nhiên, phi vật chất, phi thể xác về bản chất con người trong triết học Hêghen, đồng thời khẳng định con người do sự vận động của thế giới vật chất tạo nên. Con người là kết quả của sự phát triển của thế giới tự nhiên. Con người và tự nhiên là thống nhất, không thể tách rời. Phoiobắc đề cao vai trò và trí tuệ của con người với tính cách là những cá thể người. Đó là những con người cá biệt, đa dạng, phong phú, không ai giống ai. Quan điểm này dựa trên nền tảng duy vật, đề cao yếu tố tự nhiên, cảm tính, nhằm giải phóng cá nhân con người. Tuy nhiên, Phoiobắc không thấy được bản chất xã hội trong đời sống con người, tách con

người khỏi những điều kiện lịch sử cụ thể. Con người của Phoiobắc là phi lịch sử, phi giai cấp và trừu tượng.

Có thể khái quát rằng, các quan niệm về con người trong triết học trước Mác, dù là đứng trên nền tảng thế giới quan duy tâm, nhị nguyên luận hoặc duy vật siêu hình, đều không phản ánh đúng bản chất con người. Nhìn chung, các quan niệm trên đều xem xét con người một cách trừu tượng, tuyệt đối hoá mặt tinh thần hoặc thể xác con người, tuyệt đối hoá mặt tự nhiên - sinh học mà không thấy mặt xã hội trong đời sống con người. Tuy vậy, một số trường phái triết học vẫn đạt được một số thành tựu trong việc phân tích, quan sát con người, đề cao lý tính, xác lập các giá trị về nhân bản học để hướng con người tới tự do. Đó là những tiền đề có ý nghĩa cho việc hình thành tư tưởng về con người của triết học mácxít.

1.1.2. Quan niệm triết học Mác – Lênin về bản chất con người

a. Con người là một thực thể thống nhất giữa mặt sinh vật với mặt xã hội

Triết học Mác đã kế thừa quan niệm về con người trong lịch sử triết học, đồng thời khẳng định con người hiện thực là sự thống nhất giữa yếu tố sinh học và yếu tố xã hội.

Tiền đề vật chất đầu tiên quy sự tồn tại của con người là sản phẩm của thế giới tự nhiên. Con người tự nhiên là con người mang tất cả bản tính sinh học, tính loài. Yếu tố sinh học trong con người là điều kiện đầu tiên quy định sự tồn tại của con người. Vì vậy, giới tự nhiên là “thân thể vô cơ của con người”. Con người là một bộ phận của tự nhiên.

Là động vật cao cấp nhất, tinh hoa của muôn loài, con người là sản phẩm của quá trình phát triển hết sức lâu dài của thế giới tự nhiên. Con người phải tìm kiếm mọi điều kiện cần thiết cho sự tồn tại trong đời sống tự nhiên như thức ăn, nước uống, hang động để ở. Đó là quá trình con người đấu tranh với tự nhiên, với thú dữ để sinh tồn. Trải qua hàng chục vạn năm, con người

đã thay đổi từ vượn thành người, điều đó đã chứng minh trong các công trình nghiên cứu của Đácuy-n. Các giai đoạn mang tính sinh học mà con người trải qua từ sinh thành, phát triển đến mất đi quy định bản tính sinh học trong đời sống con người. Như vậy, con người trước hết là một tồn tại sinh vật, biểu hiện trong những cá nhân con người sống, là tổ chức cơ thể của con người và mối quan hệ của nó đối với tự nhiên. Những thuộc tính, những đặc điểm sinh học, quá trình tâm - sinh lý, các giai đoạn phát triển khác nhau nói lên bản chất sinh học của cá nhân con người.

Tuy nhiên, điều cần khẳng định rằng, mặt tự nhiên không phải là yếu tố duy nhất quy định bản chất con người. Đặc trưng quy định sự khác biệt giữa con người với thế giới loài vật là mặt xã hội. Trong lịch sử đã có những quan niệm khác nhau phân biệt con người với loài vật, như con người là động vật sử dụng công cụ lao động. Là “một động vật có tính xã hội”, hoặc con người động vật có tư duy.

Những quan niệm nêu trên đều phiến diện chỉ vì nhấn mạnh một khía cạnh nào đó trong bản chất xã hội của con người mà chưa nêu lên được nguồn gốc của bản chất xã hội ấy.

Với phương pháp biện chứng duy vật, triết học Mác nhận thức vấn đề con người một cách toàn diện, cụ thể, trong toàn bộ tính hiện thực xã hội của nó, mà trước hết là vấn đề lao động sản xuất ra của cải vật chất.

C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu lên vai trò lao động sản xuất của con người: “Có thể phân biệt con người với súc vật bằng ý thức, bằng tôn giáo, nói chung bằng bất cứ cái gì cũng được. Bản thân con người bắt đầu bằng sự tự phân biệt với súc vật ngay khi con người bắt đầu *sản xuất ra* những tư liệu sinh hoạt của mình - đó là một bước tiến do tổ chức cơ thể của con người quy định. Sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình, như thế con người đã gián tiếp sản xuất ra chính đời sống vật chất của mình”.

Thông qua hoạt động sản xuất vật chất, con người đã làm thay đổi, cải biến toàn bộ giới tự nhiên : “Con vật chỉ tái sản xuất ra bản thân nó, còn con người thì tái sản xuất ra toàn bộ giới tự nhiên”.

Tinh xã hội của con người biểu hiện trong hoạt động sản xuất vật chất. Thông qua hoạt động lao động sản xuất, con người sản xuất ra của cải vật chất và tinh thần, phục vụ đời sống của mình; hình thành và phát triển ngôn ngữ tư duy; xác lập quan hệ xã hội. Bởi vậy, lao động là yếu tố quyết định hình thành bản chất xã hội của con người, đồng thời hình thành nhân cách cá nhân trong cộng đồng xã hội.

Là sản phẩm của tự nhiên và xã hội nên quá trình hình thành và phát triển của con người luôn bị quy định bởi ba hệ thống quy luật khác nhau nhưng thống nhất với nhau. Hệ thống các quy luật tự nhiên như quy luật về sự phù hợp cơ thể với môi trường, quy luật về sự trao đổi chất, về di truyền, biến dị, tiến hoá... quy định phương diện sinh học của con người. Hệ thống các quy luật tâm lý - ý thức hình thành và vận động trên nền tảng sinh học của con người như hình thành tình cảm, khát vọng, niềm tin, ý chí. Hệ thống các quy luật xã hội quy định quan hệ xã hội giữa người với người.

Ba hệ thống quy luật trên cùng tác động, tạo nên thể thống nhất hoàn chỉnh trong đời sống con người bao gồm cả mặt sinh học và mặt xã hội. Mỗi quan hệ sinh học và xã hội là cơ sở để hình thành hệ thống các nhu cầu sinh học và nhu cầu xã hội trong đời sống con người như nhu cầu ăn, mặc, ở; nhu cầu tái sản xuất xã hội; nhu cầu tình cảm; nhu cầu thẩm mỹ và hưởng thụ các giá trị tinh thần. .

Với phương pháp luận duy vật biện chứng, chúng ta thấy rằng quan hệ giữa mặt sinh học và mặt xã hội, cũng như nhu cầu sinh học và nhu cầu xã hội trong mỗi con người là thống nhất. Mặt sinh học là cơ sở tất yếu tự nhiên của con người, còn mặt xã hội là đặc trưng bản chất để phân biệt con người với

loài vật. Nhu cầu sinh học phải được nhân hoá để mang giá trị văn minh của con người, và đến lượt nó, nhu cầu xã hội không thể thoát ly khỏi tiền đề của nhu cầu sinh học. Hai mặt trên thống nhất với nhau, hoà quyện vào nhau để tạo thành con người viết hoa, con người tự nhiên - xã hội .

b. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những quan hệ xã hội.

Từ những quan niệm đã trình bày ở trên, chúng ta thấy rằng, con người vượt lên thế giới loài vật trên cả ba phương diện khác nhau: quan hệ với tự nhiên, quan hệ với xã hội và quan hệ với chính bản thân con người. Cả ba mối quan hệ đó, suy đến cùng đều mang tính xã hội, trong đó quan hệ xã hội giữa người với người là quan hệ bản chất, bao trùm tất cả các mối quan hệ khác và mọi hoạt động trong chừng mực liên quan đến con người.

Bởi vậy, để nhấn mạnh bản chất xã hội của con người, C.Mác đã nêu lên luận đề nổi tiếng trong *Luận cương về Phoiơbắc* :“Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những quan hệ xã hội” [29, tr. 11].

Luận đề trên khẳng định rằng, không có con người trừu tượng thoát ly mọi điều kiện, hoàn cảnh lịch sử xã hội. Con người luôn luôn cụ thể, xác định sống trong một điều kiện lịch sử cụ thể nhất định, một thời đại nhất định. Trong điều kiện lịch sử đó, bằng mọi hoạt động thực tiễn của mình, con người tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần để tồn tại và phát triển cả thể lực và tư duy trí tuệ. Chỉ trong toàn bộ các mối quan hệ xã hội đó (như quan hệ giai cấp, dân tộc, thời đại; quan hệ chính trị, kinh tế; quan hệ cá nhân, gia đình, xã hội...) con người mới bộc lộ toàn bộ bản chất xã hội của mình.

Điều cần lưu ý là luận đề trên khẳng định bản chất xã hội không có nghĩa là phủ nhận mặt tự nhiên trong đời sống con người; trái lại, điều đó

muốn nhấn mạnh sự phân biệt giữa con người và thế giới động vật trước hết là ở bản chất xã hội và đây cũng là để khắc phục sự thiếu sót của các nhà triết học trước Mác không thấy được bản chất xã hội của con người. Mặt khác, cái bản chất với ý nghĩa là cái phổ biến, cái mang tính quy luật chứ không thể là duy cái duy nhất. Do đó cần phải thấy được các biểu hiện riêng biệt, phong phú và đa dạng của mỗi cá nhân về cả phong cách, nhu cầu và lợi ích trong cộng đồng xã hội .

c. Con người là chủ thể và là sản phẩm của lịch sử

Không có thế giới tự nhiên, không có lịch sử xã hội thì không tồn tại con người. Bởi vậy, con người là sản phẩm của lịch sử, của sự tiến hoá lâu dài của giới hữu sinh. Song, điều quan trọng hơn cả là: con người luôn luôn là chủ thể của lịch sử - xã hội. C.Mác đã khẳng định “ Cái học thuyết duy vật chủ nghĩa cho rằng con người là sản phẩm của những hoàn cảnh và giáo dục... cái học thuyết ấy quên rằng chính những con người làm thay đổi hoàn cảnh và bản thân nhà giáo dục cũng cần phải được giáo dục”. Trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*, Ph.Ăngghen cũng cho rằng :

“Thú vật cũng có một lịch sử phát triển dần dần của chúng cho tới trạng thái hiện nay của chúng. Nhưng lịch sử ấy không phải do chúng làm ra và trong chừng mực mà chúng tham dự vào việc làm ra lịch sử ấy thì điều đó diễn ra mà chúng không hề biết và không phải do ý muốn của chúng. Ngược lại, con người càng cách xa con vật, hiểu theo nghĩa hẹp của từ này bao nhiêu thì con người lại càng tự mình làm ra lịch sử của mình một cách có ý thức bấy nhiêu”.

Như vậy, với tư cách là thực thể xã hội, con người hoạt động thực tiễn, tác động vào tự nhiên, cải biến giới tự nhiên, đồng thời thúc đẩy sự vận động phát triển của lịch sử xã hội. Thế giới loài vật dựa vào những điều kiện có sẵn của tự nhiên. Con người thì trái lại, thông qua hoạt động thực tiễn của

minh để làm phong phú thêm thể giới tự nhiên, tái tạo lại một tự nhiên thứ hai theo mục đích của mình.

Trong quá trình cải biến tự nhiên, con người cũng làm ra lịch sử của mình. Con người là sản phẩm của lịch sử, đồng thời là chủ thể sáng tạo ra lịch sử của chính bản thân con người. Hoạt động lao động sản xuất vừa là điều kiện cho sự tồn tại của con người, vừa là phương thức để làm biến đổi đời sống và bộ mặt xã hội. Trên cơ sở nắm bắt quy luật của lịch sử xã hội, con người thông qua hoạt động vật chất và tinh thần, thúc đẩy xã hội phát triển từ thấp đến cao, phù hợp với mục tiêu và nhu cầu do con người đặt ra. Không có hoạt động của con người thì cũng không tồn tại quy luật xã hội, và do đó, không có sự tồn tại của toàn bộ lịch sử xã hội loài người.

Không có con người trừu tượng, chỉ có con người cụ thể trong mỗi giai đoạn phát triển nhất định của xã hội. Do vậy, bản chất con người trong mối quan hệ với điều kiện lịch sử xã hội luôn luôn vận động, biến đổi cũng không phải thay đổi cho phù hợp. Bản chất con người không phải là một hệ thống đóng kín, mà là hệ thống mở, tương ứng với điều kiện tồn tại của con người. Mặc dù là “tổng hoà các quan hệ xã hội”, con người có vai trò tích cực trong tiến trình lịch sử với tư cách là chủ thể sáng tạo. Thông qua đó, bản chất con người cũng vận động biến đổi cho phù hợp. Có thể nói rằng, mỗi sự vận động và tiến lên của lịch sử sẽ quy định tương ứng (mặc dù không trùng khớp) với sự vận động và biến đổi của bản chất con người.

Vì vậy, để phát triển bản chất con người theo hướng tích cực, cần phải làm cho hoàn cảnh ngày càng mang tính người nhiều hơn. Hoàn cảnh đó chính là toàn bộ môi trường tự nhiên và xã hội tác động đến con người theo khuynh hướng phát triển nhằm đạt tới các giá trị có tính mục đích, tự giác, có ý nghĩa định hướng giáo dục. Thông qua đó, con người tiếp nhận hoàn cảnh một cách tích cực và tác động trở lại hoàn cảnh trên nhiều phương diện khác

nhau: hoạt động thực tiễn, quan hệ ứng xử, hành vi con người, sự phát triển của phẩm chất trí tuệ và năng lực tư duy, các quy luật nhận thức hướng con người tới hoạt động vật chất. Đó là biện chứng của mối quan hệ giữa con người và hoàn cảnh trong bất kỳ giai đoạn nào.

Như vậy, thông qua bản chất con người, vai trò của con người với tư cách là chủ thể sáng tạo ra lịch sử của chúng ta có thể bao quát được những đặc trưng về phẩm chất năng lực, đồng thời là chủ thể tiếp thu và sáng tạo giá trị xã hội. Nó nêu bật vai trò chủ thể tích cực tự giác, sáng tạo của con người, khẳng định con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển xã hội. Từ đó có quan niệm: nhân tố con người là hệ thống các yếu tố, các đặc trưng qui định vai trò chủ thể tích cực, tự giác, sáng tạo của con người, bao gồm một chỉnh thể thống nhất giữa mặt hoạt động với tổng hòa các đặc trưng về phẩm chất, năng lực của con người trong quá trình biến đổi xã hội nhất định.

của lịch sử xã hội loài người.

1.2. QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VỀ VAI TRÒ CỦA CON NGƯỜI TRONG SỰ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT XÃ HỘI

C.Mác là người đầu tiên phát hiện ra quy luật lịch sử của loài người, nghĩa là tìm ra cái sự thật giản đơn là trước hết con người cần phải ăn, uống, mặc trước khi lo đến chuyện làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo. Nhưng muốn có cái để ăn, để mặc thì phải lao động, đó là phương thức sản xuất.

Trong tác phẩm *“Lao động làm thuê và tư bản”* Mác viết: *“Trong sản xuất, người ta không chỉ quan hệ với giới tự nhiên. Người ta không thể sản xuất được nếu không kết hợp được với nhau theo một cách thức nào đó để hoạt động chung và để trao đổi hoạt động với nhau. Muốn sản xuất được, thì người ta phải có những mối liên hệ và quan hệ nhất định với nhau; quan hệ của họ với giới tự nhiên, tức là việc sản xuất, chỉ diễn ra trong khuôn khổ*

những mối liên hệ và quan hệ xã hội đó” [3, tr. 125]. Hơn nữa, trong quá trình sản xuất xã hội, cùng với việc biến đổi tự nhiên, cải tạo đời sống xã hội, con người đồng thời làm biến đổi chính bản thân mình.

Như vậy, theo quan điểm của nhà sáng lập chủ nghĩa Mác trong lịch sử phát triển nền sản xuất vật chất của nhân loại đã xuất hiện và phát triển những mối quan hệ mang tính khách quan, phổ biến: để tiến hành sản xuất, một mặt, con người phải có quan hệ với giới tự nhiên để biến đổi giới tự nhiên, quan hệ này được thể hiện trong lực lượng sản xuất, mặt khác, con người phải có mối quan hệ với nhau để tiến hành sản xuất, quan hệ này được thể hiện trong quan hệ sản xuất. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là hai mặt đối lập biện chứng kháng thể tách rời của chính thể thống nhất của nền sản xuất xã hội, đó là phương thức sản xuất xã hội.

Vậy lực lượng sản xuất là gì và vì sao con người lại là yếu tố quan trọng nhất của lực lượng sản xuất? C Mác, Ph.Ăngghen không đưa ra một khái niệm cụ thể về lực lượng sản xuất. Hiện nay, có rất nhiều quan niệm khác nhau về vấn đề này, nhưng đều thống nhất ở tư tưởng cơ bản đó là mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên trong quá trình sản xuất và bao gồm các yếu tố; con người và tư liệu sản xuất. Lực lượng sản xuất: trước hết là con người có khả năng lao động, có kiến thức, có thói quen, kinh nghiệm và kỹ năng, kỹ xảo để sản xuất; thứ hai, đó là tư liệu lao động, gồm các công cụ và đối tượng lao động; thứ ba, trong thời đại ngày nay do sự tác động mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật vào quá trình sản xuất làm giảm cường độ lao động và tăng năng suất rất cao. Vì vậy khoa học kỹ thuật được coi là một lực lượng sản xuất trực tiếp. Có thể đưa ra một định nghĩa đầy đủ về lực lượng sản xuất như sau: *“Lực lượng sản xuất; sự thống nhất hữu cơ giữa tư liệu sản xuất (trước hết là công cụ lao động) và những người sử dụng những tư liệu này để sản xuất ra của cải vật chất. Lực lượng sản xuất biểu hiện sự chinh phục của*

con người đối với thiên nhiên trong từng giai đoạn lịch sử. Lực lượng chủ yếu của những người có thói quen, kinh nghiệm, trí thức và trình độ chuyên môn nắm bắt kỹ thuật, sử dụng được công cụ để tiến hành sản xuất” [43, tr. 281-282]. Như vậy, lực lượng sản xuất là lực lượng do xã hội tạo ra để cải tạo thế giới, là biểu hiện trình độ chinh phục tự nhiên của con người trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định. Lực lượng sản xuất là một thể thống nhất giữa các yếu tố người và yếu tố sự vật, trong đó con người đóng vai trò chủ thể, tích cực, sáng tạo và quyết nhất định.

Khi phân tích về lực lượng sản xuất trong xã hội tư bản, Mác viết: “*Trong tất cả các công cụ sản xuất thì lực lượng sản xuất hùng mạnh nhất là bản thân giai cấp cách mạng*” [30, tr. 257]. Như vậy, Mác đã khẳng định con người là yếu tố có vai trò lớn nhất, quyết định trong lực lượng sản xuất. Cũng vấn đề đó Lênin viết: “*Lực lượng sản xuất chủ yếu của nhân loại là giai cấp công nhân*” [44, tr. 430]

Giống như Mác, Lênin đã đặt con người vào vị trí hàng đầu, số một, coi con người phải là công nhân, giai cấp tiên tiến, nghĩa là đều nhấn mạnh đến “*chất lượng*” của người lao động – lực lượng sản xuất.

Rõ ràng, các quan điểm của Mác, Lênin đều khẳng định vai trò quyết định của yếu tố con người trong lực lượng sản xuất, trong cách mạng. Vậy quá trình diễn ra như thế nào? Con người bằng sức lực và trí tuệ của mình để tạo ra công cụ lao động và dùng công cụ lao động đó tác động vào tự nhiên để tạo ra những sản phẩm vật chất nhằm thỏa mãn nhu cầu bản thân và xã hội. Trong quá trình sản xuất, bản thân con người đối diện với tự nhiên với tư cách là một lực lượng tự nhiên để chiếm hữu được thực thể tự nhiên rồi một hình thái có lợi cho cuộc sống của bản thân mình, con người vận dụng những sức tự nhiên cho bản thân họ; tay và chân, đầu và hai tay. Trong khi tác động vào tự nhiên, con người cũng làm thay đổi chính bản thân mình.

Như thế, con người tham gia vào quá trình sản xuất với tư cách là một yếu tố của lực lượng sản xuất, trước hết bằng chính sức mạnh cơ bắp (vật thể) của mình và trong quá trình đó, tự nhiên tác động trở lại làm cho con người ngày càng hoàn thiện về trí tuệ, đúng là *“lao động đã sáng tạo ra chính bản thân con người”*. Song, nếu chỉ tác động vào tự nhiên bằng khí quan của mình thì con người không thể tiến xa hơn động vật, mãi mãi con người vẫn chỉ *“nghèo như động vật mà thôi”*. Ở đây, con người là một sinh vật xã hội có trí tuệ, cho nên khi tham gia vào quá trình lao động ngoài sức mạnh cơ bắp nó còn được chi huy bằng sức mạnh trí tuệ. Nhờ có trí tuệ nên thể xác con người được uốn chuyển nhẹ nhàng, tinh thông, khéo léo mà không có phần vật chất nào khác của thế giới có thể sánh kịp và tất nhiên cũng không thể có sức mạnh bằng nó. Theo Ph.Ăngghen, chỉ có bàn tay con người mới đạt trình độ hoàn thiện khiến nó có thể làm xuất hiện sức mạnh thần kỳ, sáng tạo ra những bức tranh của Raphaen, các pho tượng của Tôranxen...Như vậy, lao động chính là sự kết hợp biện chứng giữa phần vật thể, và phần trí tuệ của con người. Thông qua hoạt động thực tiễn, con người dùng trí tuệ nhận thức bản chất, qui luật của các sự vật, hiện tượng của thế giới khách quan, sử dụng chúng làm phương tiện sản xuất và con người không ngừng sáng tạo ra cho mình những lực lượng sản xuất ngày càng lớn mạnh, tinh vi. Trong quá trình lao động con người đã biến những phần vật chất tự nhiên cung cấp thành *“khí quan nhân tạo”* của mình, để nhận thức sâu hơn, xa hơn, bản chất hơn cả lĩnh vực vĩ mô của tự nhiên, đó cũng chính là lao động sáng tạo, đặc trưng của con người mà cả thế giới động vật không thể nào có được.

Rõ ràng, thế giới không thỏa mãn nhu cầu của con người cho nên con người đã quyết định cải tạo thế giới. Trong hàng vạn năm cải tạo thế giới bằng lao động có ý thức, có mục đích hẳn con vật chỉ hoạt động bằng bản năng, con người đã in sâu dấu ấn của mình vào thiên nhiên bằng các phương

tiện ngày càng hung hậu. Từ những chiếc riu, đá đồng của thời đại hoang sơ đến máy dệt, máy hơi nước của thời đại công nghiệp và ngày nay là những máy móc hiện đại là công nghệ điện tử và người máy (Rôbô). Đó là sự phát triển của yếu tố con người, còn con vật thì hàng vạn năm nay “*con nhện vẫn làm động tác của người thợ dệt*” và “*con ong vẫn làm nhà kiến trúc sư giỏi nhất phải xấu hổ*” bằng những tầng sáp của mình không bao giờ thay đổi. Dấu ấn của con người không dừng lại ở đây, chừng nào còn con người thì chừng đó còn “*quyết định cái tạo tự nhiên*” và tất nhiên, các phương tiện cải tạo ngày càng tinh vi, hiện đại và nhân lên mãi.

Trong lực lượng sản xuất, công cụ lao động có một vai trò quan trọng, là thước đo sự chinh phục tự nhiên của con người. Với mục đích luôn muốn tăng năng suất và giảm cường độ lao động, con người đã sáng tạo chúng để “*nói dài các khí quan*” và từng sức mạnh cơ bắp của mình. Nhờ đó mà công cụ ngày càng hoàn thiện, hiện đại, nó có thể thay thế hầu hết các thao tác kỹ thuật khéo léo của con người, đó là vai trò to lớn của công cụ lao động. Tuy nhiên, đã gọi là công cụ lao động, nó không thể tự ra đời mà phải có sự chế tạo của con người và “*chế tạo công cụ lao động*” chính là đặc trưng cơ bản để phân biệt giữa con người và con vật. Con người – chính là động vật biết chế tạo công cụ lao động. Như vậy, công cụ lao động, yếu tố được coi là “*động*” của lực lượng sản xuất, chẳng qua cũng chỉ là phần tự nhiên được trí tuệ hóa mà thôi, công cụ lao động càng tinh vi, điều đó chứng tỏ con người càng hiện đại, càng tách xa thế giới tự nhiên.

Con người không chỉ quyết định sự ra đời của công cụ lao động mà còn quyết định cả quá trình vận hành của nó. Máy móc, công cụ dù có hiện đại, tinh vi đến đâu, nhưng không có người sử dụng, vận hành cũng trở thành vô ích, sẽ lại giống như trạng thái “*nguyên thủy*” của chúng mà thôi. Một công cụ lao động, một cái máy đưa vào sử dụng với mục đích gì còn tùy thuộc ở con

người, do con người, vì con người. Như vậy, con người dùng sức lực và trí tuệ để chế tạo, con người cũng dùng sức lực, trí tuệ để vận hành, để quy định mục đích, điều đó chứng tỏ yếu tố con người không lúc nào vắng mặt ở tất cả quá trình chế tạo và sử dụng công cụ, ở quá trình lao động.

Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận rằng, công cụ lao động là yếu tố quan trọng không thể thiếu được trong quá trình sản xuất, là thước đo trình độ chinh phục tự nhiên của con người, dấu ấn của nó được để lại trên tất cả mọi chặng đường lịch sử - xã hội. Ph.Ăngghen viết: *Cái cối xay bằng tay sẽ đẻ ra một xã hội có lãnh chúa phong kiến đứng đầu, còn cái cối xay chạy bằng hơi nước sẽ đẻ ra một xã hội có tư bản công nghiệp.*

Hiện nay, nhân loại đã bước vào thế kỷ XXI, ở đó cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật và công nghệ điện tử đã làm nên những sự tích kỳ diệu, tạo ra những bước nhảy vọt đột biến trong tất cả các lĩnh vực sản xuất, đời sống xã hội. Khoa học tương như làm “lu mờ” vai trò yếu tố con người trong lực lượng sản xuất và đang trở thành một lực lượng độc lập có xu hướng quyết định vận mệnh của loài người. Những điều đó không phải. Thế kỷ XVII – XVIII, khi cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trong thế giới tư bản phát triển mạnh, có nhiều quan điểm cho rằng con người đã đẩy lùi xuống hạng thứ yếu trong lực lượng sản xuất, khi máy tính điện tử, công nghệ thông tin tác động vào hầu hết các lĩnh vực sản xuất, đời sống, từ lâu ngằm nguyên tử, tàu vũ trụ con thoi, khoa học quản lý cho đến công việc của các bà nội trợ, đã đưa con người vào kỷ nguyên tự động hóa, tin học hóa. Mặt khác, việc áp dụng rộng rãi công nghệ điện tử và thông tin đã góp phần giải phóng phần lớn sức lao động, tạo ra số lượng và chất lượng sản phẩm ngày càng cao, nó cũng làm cho đối tượng lao động (phần ít năng động hơn trong lực lượng sản xuất) cũng phải thay đổi liên tục. Từ những cánh rừng hoang dã, ruộng vườn của nền văn minh nông nghiệp: than, sắt, dầu mỏ của nền văn minh công nghiệp

đến nay đã có nhiều yếu tố đã bị đẩy lùi xuống hàng thứ yếu. Nguyên nhân chính là do sự phát triển của khoa học, khiến con người ngày càng hoàn thiện công cụ lao động và thay đổi cách thức sản xuất đã làm “mất giá trị” nhiều yếu tố mà con người vẫn coi là đối tượng lao động chủ yếu. Rồi đây chắc chắn than và dầu mỏ phải “lùi xa” khi con người hoàn thiện, phổ cập những loại thiết bị, máy móc, công cụ chạy bằng điện mặt trời, điện nguyên tử... chúng vừa gọn nhẹ, vừa sạch, không gây ô nhiễm môi trường mà lại tiện lợi và có sức mạnh “*nền văn minh ống khói*”.

Tuy nhiên khoa học - kỹ thuật, công nghệ thông tin hoặc có thể là cái gì hơn thế nữa cũng không thoát khỏi “*bàn tay trí tuệ*” của con người. Khoa học chẳng bao giờ là yếu tố độc lập, nó cũng chỉ là sản phẩm của con người, gắn với con người và phục vụ con người. Cũng như tất cả các khoa học khác, toán học sinh ra từ những nhu cầu thực tiễn của con người: “*từ việc đo đạc diện tích các khoảng đất và việc đo đạc dung tích những bình chứa, từ sự tính toán thời gian và từ cơ học*” [32, tr. 59].

Thông qua việc phân tích vai trò của nhân tố con người trong nền sản xuất xã hội chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng: nếu không xuất phát từ con người, được tiến hành bởi con người và hướng phục vụ con người, thì sẽ không có bất cứ loại hình nào và quá trình sản xuất nào đủ lý do tồn tại và phát triển. Có thể nói con người vừa là điểm xuất phát, là lực lượng sản xuất, của nền sản xuất xã hội, bởi vì chỉ có con người mới có trí tuệ, tư duy. Cho nên, việc đề cao trí tuệ và vai trò của tri thức khoa học chẳng qua chỉ là một cách gián tiếp đề cao vai trò của con người. Sự phát triển của lực lượng sản xuất, của yếu tố con người chỉ có thể tồn tại khi nó gắn liền sự phát triển của quan hệ sản xuất trong một phương thức sản xuất nhất định.

Như vậy “con người với khả năng lao động và năng lực sáng tạo tiềm tàng đã sáng tạo ra nền văn minh từ cổ đại đến hiện đại. Với khả năng và năng

lực đó, con người chính là động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội và là chủ thể sáng tạo nên nền văn minh trong lịch sử nhân loại” – là chủ thể của lao động sản xuất và là chủ thể của lịch sử...”

1.3. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI VÀ CON NGƯỜI TRONG XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.

Cũng như toàn bộ di sản tư tưởng Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta hôm nay và các thế hệ mai sau, những luận điểm của Người về con người của thời đại mới là dựa trên cơ sở tiếp cận những thành quả của trí tuệ loài người qua nhiều thế hệ, nhiều thời đại, được chắt lọc, nâng cao bởi thế giới quan khoa học của lý luận Mác – Lênin. Mặt khác tư tưởng Hồ Chí Minh về con người cũng thấm đượm truyền thống tư tưởng trong lịch sử dân tộc.

Quan niệm về con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất đa dạng phong phú, tùy hoàn cảnh, điều kiện mà Người đề cập. Trong bài viết đăng trên báo Cứu Quốc năm 1949, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan niệm về chữ Người: *“Chữ Người, nghĩa hẹp là gia đình an hem, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng hơn nữa là loài người”*. Với cách hiểu này, con người có tính xã hội, là con người xã hội, là thành viên của một cộng đồng xã hội. Nói cách khác Hồ Chí Minh đã xem xét con người trong các quan hệ xã hội của nó. Trong tư tưởng của Người không có con người trừu tượng, bao giờ Người cũng nói đến con người cụ thể lịch sử. Do vậy, Người dùng rất nhiều khái niệm khác nhau để chỉ *“con người”* trong những mối quan hệ lịch sử và xã hội. Chẳng hạn trong những năm bôn ba tìm đường cứu nước, hoạt động trong phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân quốc tế, Người thường dùng các khái niệm: *“người bán xứ”, “người lao động bán xứ”, “người da vàng”*... Sau Cách Mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh thường sử dụng khái niệm: *“nhân dân”, “quốc dân”, “đồng bào”, “dân”,* để chỉ con người Việt Nam tự do của một quốc gia độc lập.

Như vậy, quan điểm của Hồ Chí Minh về con người vừa thể hiện rõ tính chất giai cấp, tính lịch sử của khái niệm đó, lại vừa hướng vào những giá trị chung của con người vươn tới cái chân, thiện, mỹ. Quan niệm của con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh là một khái niệm chung nhất bao trùm lên những khái niệm riêng mà Người thường sử dụng khi nói về con người lịch sử cụ thể. Hồ Chí Minh nói về con người thường biểu hiện qua : quần chúng, nhân dân, đồng bào và ngược lại, khi nói đến quần chúng, nhân dân, đồng bào cũng là đang nói về con người. Đây chính là sự sáng tạo, sự minh triết của Hồ Chí Minh và cũng biểu hiện một nhân cách đạo đức cao thượng trong quan niệm về con người.

Hồ Chí Minh quan niệm con người là một chỉnh thể thống nhất về thể lực, tâm lực, trí lực và hoạt động. Mỗi yếu tố có vai trò khác nhau nhưng có quan hệ chặt chẽ, ảnh hưởng, tác động và là điều kiện của nhau. Người còn cho rằng con người là sự thống nhất giữa hai mặt đối lập; người đời không phải thánh nhân, ai cũng có chỗ hay chỗ dở, chỗ tốt chỗ xấu, có tính thiện tính ác...các mặt đối lập đó không đơn thuần có nguồn gốc từ xã hội mà còn có căn nguyên từ yếu tố sinh vật của con người.

Từ nhận thức các quan hệ xã hội không phải là bất biến, bản chất của con người cũng biến đổi cùng với sự biến đổi của các quan hệ xã hội. Hồ Chí Minh rất coi trọng trong việc cải tạo con người cũ, xây dựng con người mới trong điều kiện đất nước đã giành được độc lập, tự do, trong đó yếu tố cải tạo "*chính tâm tu thân*" có vị trí đặc biệt quan trọng.

Trên quan điểm duy vật macxit, Hồ Chí Minh khẳng định bản chất con người mang tính xã hội – lịch sử, con người vừa là sản phẩm vừa là chủ thể của lịch sử, con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển lịch sử xã hội. Muốn nhận thức đúng về con người thì phải nhận thức đúng những điều kiện lịch sử xã hội mà họ đang sống. Muốn giải phóng con người cũng

phải trên cơ sở giải quyết những điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa của xã hội. Giải phóng con người theo Hồ Chí Minh phải gắn liền với giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp.

Con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh là một chỉnh thể thống nhất về thể lực, tâm lực và hoạt động, mang bản chất xã hội – lịch sử, là chủ thể sáng tạo và hưởng thụ các giá trị vật chất, tinh thần trong xã hội. Nhận thức của Hồ Chí Minh về vai trò của con người ở chỗ Người ý thức con người là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội cũng như xây dựng đất nước, xây dựng chế độ mới. Cách mạng không chỉ là sự nghiệp vì con người mà trước hết là sự nghiệp do con người thực hiện. Từng con người, cá nhân con người khi được phát huy hết trí tuệ, năng lực sáng tạo được tập hợp thành một lực lượng đã thúc đẩy lịch sử phát triển. Hồ Chí Minh luôn phê phán và kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân nhưng lại quan tâm, giúp đỡ, khích lệ mỗi cá nhân. Người lo lắng cho mọi người, mỗi người, không sót, không quên một ai, sắp xếp vị trí chiến đấu và làm việc cho mọi người chu đáo, bao dung, vừa đòi hỏi, nghiêm khắc.

Hồ Chí Minh luôn quan tâm vào bản chất tốt đẹp, khả năng to lớn của con người, của mỗi con người cụ thể, Người không chỉ yêu thương, quý trọng mỗi con người, mỗi thân phận mà còn đòi hỏi rất cao tự hoàn thiện của mỗi con người, đồng thời tin vào sự tự hoàn thiện ấy.

Theo Người, cá nhân con người mang trong mình khả năng tiềm ẩn với sự sáng tạo vô song. Cá nhân con người đã làm nên điều kỳ diệu trong khoa học, kỹ thuật, trong văn hóa, nghệ thuật, góp phần quyết định vào sự nghiệp cải tạo thiên nhiên và xã hội, thúc đẩy xã hội phát triển tới tương lai văn minh. Xét đoán, đánh giá khả năng của mỗi con người cụ thể là điều Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm từ đẽ từ đó đào tạo, giao việc cho mỗi người. Điều đó nói lên sự thật rõ ràng sự quan tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cá nhân

con người. Cá nhân con người ở đây bao hàm phẩm hạnh, trí tuệ, cá tính và cả cuộc đời thường mỗi người. Lão tử từng khẳng định rằng: “*nhân thân tiếu vũ trụ*” nghĩa là con người là vũ trụ thu nhỏ lại. Hồ Chí Minh nhận thấy rằng khả năng vô tận của con người. Xã hội không thể nào tiến lên được nếu không có sự đóng góp trí tuệ của mỗi con người.

Trong khi đề cao vai trò của cá nhân con người, Hồ Chí Minh cũng nhìn rõ tác động lớn của xã hội. Mỗi xã hội, mỗi thời đại được in đậm nét vào mỗi con người. Chủ nghĩa Mác – Lênin đã khẳng định bản chất con người không phải là cái trừu tượng vốn có của một cá nhân riêng biệt mà là tổng hòa các mối quan hệ xã hội. Suy xét, từ lịch sử loài người, từ lịch sử mỗi con người và nhất là cuộc đời lao động và chiến đấu của bản thân, Người quan niệm rất rõ ràng là: đạo đức, nhân cách, tài năng của mỗi con người không phải bỗng dưng mà có, nó chịu tác động sâu sắc của xã hội và “*phần nhiều do giáo dục mà nên*”. Giáo dục ở đây không chỉ là giáo dục đạo đức, nhân cách mà còn là giáo dục, bồi dưỡng, phát triển trí tuệ, khả năng tư duy, năng lực dự báo, với một tầm nhìn xa của một thế giới quan khoa học và cách mạng.

Cũng như mọi công việc khác, sự nghiệp cách mạng làm biến đổi xã hội, một đất nước đòi hỏi sự góp sức của mỗi con người – con người được rèn luyện và giáo dục. Ngay từ những ngày đầu của quá trình vận động cách mạng trên đất nước ta, Hồ Chí Minh đã quan tâm đến giáo dục, đào tạo đội ngũ các bộ, từ vài ba người đến đội ngũ đông đảo sau này.

Hồ Chí Minh coi cái tâm, cái đức là gốc của con người, nhưng Người đặc biệt coi trọng sự phát triển trí tuệ của con người bởi con người là sinh vật có trí tuệ, có ý chí vươn lên, có khát vọng làm chủ. Nho giáo (Khổng Tử) luôn luôn coi trọng tu thân của mỗi người trước khi có thể tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Hồ Chí Minh đề cao Nho giáo ở sự tu thân. Tu thân là cái cần thiết để vươn lên cái cao cả. Tu thân ở đây cũng không chỉ là tu rèn đạo đức, phẩm

hạnh mà đã mang nội dung nâng cao sự hiểu biết của con người. Theo Người, một dân tộc cũng như một con người mà dốt nát thì đương nhiên là yếu hèn về trí tuệ. Nhận thức được điều đó Hồ Chí Minh không chỉ nêu tấm gương về học tập không ngừng để bản thân có đủ trí tuệ cần thiết để làm việc và sáng tạo mà Người còn đòi hỏi mọi người phải học tập không ngừng. Người đặc biệt quan tâm tới việc nâng cao dân trí, ý thức tự lập, tự cường của dân tộc trong mỗi con người.

Trong đề cập đến vai trò của con người và những phẩm chất trí tuệ của con người, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quan tâm đến việc xây dựng con người mới Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp lớn lao và khó khăn, gian khổ vô cùng. Sự nghiệp đó đòi hỏi có những con người không những trung thành, kiên định lý tưởng chủ nghĩa xã hội mà còn có sự hiểu biết ở tầm cao và sự sáng tạo, sáng tạo không ngừng. Chính vì vậy, theo Người vấn đề xây dựng con người mới có ý nghĩa chiến lược hàng đầu. Vì chủ nghĩa xã hội được xây dựng bằng sức mạnh của chính con người mới là mục tiêu cao nhất của xã hội.” *Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần phải có những con người chủ nghĩa xã hội*” [38, 125].

Hồ Chí Minh luôn coi trọng sự nghiệp trồng người là một chiến lược. Người nói: “*Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người*”. Trước khi ra đi từ biệt thế giới này Người còn nhấn mạnh về chiến lược trồng người: “*Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời mai sau là một việc rất quan trọng và cần thiết*” [38, tr. 510].

Tư tưởng trồng người của Bác rất khoa học và toàn diện cả về nội dung lẫn phương pháp. Người nói: “*Ta xây dựng con người cũng phải có ý định rõ ràng như nhà kiến trúc*”. Theo Người, con người cần xây dựng là con người: có ý thức làm chủ, tinh thần đoàn kết quốc tế trong sáng. Người còn quan tâm đến xây dựng con người có mục đích và lối sống cao đẹp, có bản lĩnh chính trị

vững vàng, có sức khỏe. Muốn xây dựng con người mới như vậy thì trong việc giáo dục và học tập phải chú trọng các mặt: đạo đức cách mạng, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, văn hóa, kỹ thuật, lao động và sản xuất. Giáo dục phải toàn diện : Đức, trí, lao động, thể mỹ.

Hồ Chí Minh đòi hỏi khi xem xét đánh giá con người cần chú ý rằng, mỗi người đều có tốt có xấu ở trong, có điểm hay, điểm dở, có mặt mới, mặt cũ. Vấn đề là ở chỗ chỗ mặt nào nhiều hơn và mỗi người phải phấn đấu sao cho những cái mới ngày càng nhiều, những cái cũ ngày càng ít. Quá trình hình thành con người mới chính là quá trình đấu tranh để xóa bỏ các cũ, xây dựng cái mới từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện. Đó cũng là quá trình làm cho ngày càng phổ biến trong đông đảo những người lao động, cái cũ ngày càng thu hẹp và mất dần trong đời sống xã hội.

Vấn đề xây dựng con người mới là một “*công trình*” khoa học, do đó phải dùng nhiều biện pháp kết hợp chặt chẽ với nhau trong quá trình xây dựng con người mới. Bác luôn đấu tranh chống lại tư tưởng, tác phong xấu, những hiện tượng phi đạo đức, phi văn hóa, những tàn dư đạo đức và lối sống cũ như: bệnh quan liêu, mệnh lệnh, chủ nghĩa cá nhân, tham ô, Người gọi đó là một loại bệnh, một loại giặc “*giặc nội xâm*”. Người ta có bệnh thì phải uống thuốc để chữa bệnh, có khi phải dùng thuốc đắng để “*giã tật*”. Đã là giặc thì phải có những chủ trương và biện pháp để chống lại, loại trừ, phải chấp nhận những hy sinh mất mát.

Trong sự nghiệp xây dựng con người mới, Người rất coi trọng việc rèn luyện, giáo dục theo gương “*người tốt việc tốt*”. Theo Người những tấm gương sáng sẽ có tác dụng to lớn lôi cuốn, động viên phong trào. Kết hợp trường học, gia đình, xã hội, với các tổ chức chính trị - xã hội cũng là một biện pháp tốt để giáo dục tư tưởng, thái độ hoạt động và sinh hoạt hằng ngày của mỗi người.

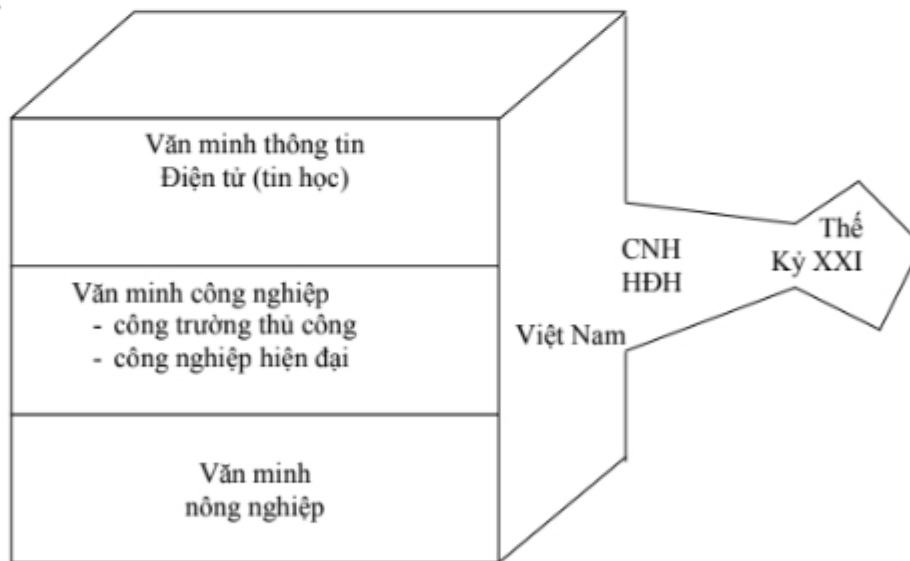
Như vậy, quan điểm của Hồ Chí Minh về con người và xây dựng con người mới là một quan điểm toàn diện và sâu sắc. Chính sự nhận thức sâu sắc của Người về bản chất con người, về vai trò của con người trong sự nghiệp cách mạng cũng như trong việc xây dựng chế độ mới là cơ sở cho việc Người đề cao việc giáo dục, bồi dưỡng con người đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ của từng giai đoạn, thời kỳ cách mạng. Tư tưởng này của Người với quan điểm của chủ nghĩa Mác về vai trò của nhân tố con người đã là ánh sáng soi đường cho Đảng ta trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

CHƯƠNG 2**QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ NHÂN TỐ CON NGƯỜI VÀ
VIỆC PHÁT HUY NHÂN TỐ CON NGƯỜI TRONG THỜI
KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA****2.1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ
NHỮNG YÊU CẦU CỦA CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐỐI
VỚI CON NGƯỜI****2.1.1 Tính tất yếu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa**

CNH, HĐH (công nghiệp hóa, hiện đại hóa) là con người phát triển tất yếu của tất cả các nước và các dân tộc trên thế giới. Để tiến lên một nền sản xuất hiện đại, tất cả các đều phải thực hiện quá trình CNH. Đây là quá trình tạo nên sự phát triển nhảy vọt của lực lượng sản xuất, của khoa học và công nghệ cả về số lượng và chất lượng. Lực lượng sản xuất mới được tạo ra, là cốt vật chất - kỹ thuật quan trọng và có ý nghĩa quyết định đến tiến trình phát triển kinh tế-xã hội của mỗi quốc gia. Nó làm thay đổi cách thức sản xuất, chuyển người lao động từ lao động thủ công sang sử dụng lao động cơ giới, tự động hóa, tin học hóa... Và nhờ đó sức lao động của con người được giải phóng, năng xuất lao động xã hội ngày càng tăng, sản phẩm được sản xuất ra ngày càng nhiều và đa dạng, đáp ứng nhu cầu càng cao của con người.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác- Lênin chỉ rõ: thứ nhất, cơ sở vật chất- kỹ thuật của CNXH phải là lực lượng sản xuất ở trình độ cao hơn chủ nghĩa tư bản; thứ hai: chỉ dựa trên nền tảng vật chất ấy thì mới có thể tạo lập được thật sự đầy đủ những quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Do đó, CNH, HĐH là một điều kiện cơ bản để xây dựng cơ sở kinh tế cho xã hội mới.

Trong thời đại ngày nay CNH không chỉ đơn thuần là phát triển công nghiệp nặng, cũng không chỉ đơn giản là tăng thêm tốc độ và tỷ trọng của sản xuất công nghiệp. “ Công nghiệp hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện của hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế-xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghệ và sự tiến bộ khoa học- công nghệ, tạo nên năng suất lao động xã hội cao” [14, tr. 42]. Nó gồm hai nội dung cơ bản là: trang bị kỹ thuật-công nghệ tiên tiến cho nông nghiệp và các ngành khác của nền kinh tế quốc dân; và tạo lập cơ cấu kinh tế mà nền tảng là cơ cấu công nghiệp- nông nghiệp và dịch vụ hiện đại. Như vậy, CNH tất yếu gắn liền với HDH để từng bước tạo ra những giá trị vật chất với trình độ công nghệ cao hoàn thành cơ bản việc xây dựng cơ sở vật chất- kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.



Hình 2.1. Việt Nam đi vào thế kỷ XXI: công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Đối với nước ta, một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành CNH, HĐH là yếu tố cấp bách, là nhiệm vụ trung tâm có tầm quan trọng hàng đầu trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH. Thông qua CNH, HĐH chúng ta sẽ tạo ra một trình độ phát triển mới về kinh tế- xã hội, tránh được những nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, có điều kiện củng cố quốc phòng- an ninh, giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ độc lập chủ quyền của tổ quốc.

Kinh nghiệm của các nước công nghiệp mới trong khu vực cho thấy, trong điều kiện cách mạng khoa học, công nghiệp và quốc tế hóa kinh tế hiện nay, chúng ta cần và có thể tiến hành “*công nghiệp hóa đuổi kịp*” như họ đã làm. Hơn nữa như C. Mác đã từng nói; “*Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với tư liệu lao động nào. Các tư liệu lao động không những là cái thước đo sự phát triển lao động của con người mà còn là chỉ tiêu của những quan hệ xã hội trong đó lao động được tiến hành*” [34 tr. 269 – 270]. Theo đó đối với đất nước ta, ở thời điểm hiện nay “*Công nghiệp hóa phải đi đôi với hiện đại hóa, kết hợp những bước tiến tuần tự về công nghệ với tranh thủ những cơ hội đi tắt, đón đầu, hình thành những mũi nhọn phát triển của khoa học, công nghệ thế giới*”.

Mục tiêu CNH, HĐH đã được Đảng ta xác định là tạo ra tiềm lực to lớn đủ khả năng xây dựng cuộc sống hạnh phúc của toàn dân, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, bảo vệ vững chắc nền độc lập của tổ quốc. Đó là quá trình phấn đấu lâu dài gian khổ, đòi hỏi mọi người phải có hoài bão, quyết tâm cao, chấp nhận những khó khăn, thử thách và hy sinh cần thiết để đưa dân tộc ta thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu. Đó cũng chính là lòng mong ước của bao thế hệ người đi trước vào ngày nay chúng ta phải làm bằng được. Song, mục tiêu và lòng mong ước đó không phải là điều xa vời mà

được thể hiện ngay trong từng bước phát triển, quan tâm đáp ứng nhu cầu thiết thân hàng ngày của nhân dân, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Có như vậy thì chúng ta mới thực hiện được mục tiêu: *“Xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất – kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất tinh thần cao, quốc phòng an ninh vững chắc, dân giàu nước mạnh xã hội công bằng, văn minh”* [17, tr. 27]. Tuy nhiên, để sự nghiệp CNH, HĐH của chúng ta thành công, ngoài những nhân tố: Nguồn vốn, khoa học kỹ thuật... thì nhân tố con người là quyết định. Con người với vị trí và năng lực ngày càng cao sẽ góp phần quyết định sự thành công của quá trình CNH, HĐH.

2.1.2 Những yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với con người.

Mọi người đều biết rằng, lịch sử dựng nước đi đôi với giữ nước hàng nghìn năm của dân tộc đã tạo nên truyền thống của các thế hệ người Việt Nam và những nét đặc sắc:

Trước hết, là truyền thống cộng đồng gắn kết với dân chủ làng xã. Mặt tích cực này thể hiện ở tinh thần, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, đặc biệt trong những khó khăn, hoạn nạn thì *“lá lành đùm lá rách”*, điều này càng thể hiện trong quan hệ giữa cá nhân với gia đình dòng họ.

Thứ hai, quá trình sản xuất nông nghiệp phải chống chọi với biết bao khó khăn, gian khổ đã hun đúc nên con người Việt Nam truyền thống cần cù chịu khó, chịu đựng gian khổ, sống giản dị, chất phác, ghét xa hoa cầu kỳ... Chính nơi đây đã hình thành nếp sống *“an bản, lạc đạo”*, *đói cho sạch, rách cho thơm* của con người Việt Nam. Đồng thời cũng chính do quá trình

sản xuất nông nghiệp lâu đời mà hình thành nên truyền thống “ *trọng kinh nghiệm*”, *trọng tuổi tác*”, “*lão nông chi điền*” và “ *sống lâu lên lão làng*”.

Thứ ba, trong nền kinh tế tiểu nông, những tập quán và thói quen của sản xuất nông nghiệp với bề dày hàng ngàn năm đã tạo nên trong người nông dân tác phong tùy tiện, thích tự do, tản mạn, kém ý thức tổ chức kỷ luật, tâm lý cầu an, không có dự báo phòng xa, kém hoạch toán.

Thứ tư, Lịch sử chống ngoại xâm nhiều thế kỷ đã tạo nên truyền thống trường tồn vẻ vang trong nhiều thế hệ người Việt Nam. “ *Đó là chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc, ý trí quật cường bất khuất, niềm tự tôn dân tộc, trí thông minh sáng tạo*” [45, tr. 41].

Thứ năm, nước ta nằm trong khu vực gặp gỡ và giao lưu với nhiều nền văn minh lớn (Ấn Độ, Trung Hoa...) nên trong lịch sử con người Việt nam đã tạo dựng được những truyền thống khá đặc sắc: hiếu học, “ *tôn sư trọng đạo*”, “*trọng tước, thích làm quan và coi quan tước là một thang bậc đánh giá sự tiến bộ của một cá nhân*”, “*truyền thống nhân ái, vị tha bao dung*” [45, tr. 44 – 45].

Như vậy, lịch sử tồn tại và phát triển hàng nghìn năm của dân tộc đã hình thành và phát triển những truyền thống lâu đời của con người Việt Nam. Trong kho tàng đó, nổi bật lên các giá trị truyền thống thể hiện sức sống, bản lĩnh, bản sắc và những phẩm giá của dân tộc. Đó trước hết là tinh thần yêu nước, ý thức, ý thức dân tộc, ý chí tự lập tự cường, truyền thống vì đại nghĩa dân tộc. Truyền thống lao động cần cù, sáng tạo nhạy cảm với cái mới, biết đổi phó linh hoạt, ứng xử mềm mỏng, biết thích nghi và hội nhập để tồn tại và phát triển. Đó còn là tinh thần thực tế coi trọng kinh nghiệm, tôn trọng người già, giàu kinh nghiệm và có tư duy tổng hợp.

Tuy nhiên chính lịch sử ấy với nền kinh tế tiểu nông tồn tại hàng ngàn năm đã để lại trong di sản truyền thống con người Việt Nam những mặt hạn

chế và tiêu cực nhất định. Trong đó nổi bật lên những mặt hạn chế như: “*thiếu óc phân tích, tinh thần phê bình và tự phê bình, thiếu ý thức pháp luật, chấp hành nội quy, kỷ luật, thiếu ý thức tiết kiệm, chưa biết làm ăn lớn, làm ăn lâu bền; khó hợp tác; đố kỵ; nặng tâm lý bình quân chủ nghĩa; thiếu nhìn xa; nói chung nặng tâm lý của người sản xuất nhỏ, thiếu tư duy và tác phong công nghiệp*” [45, tr. 115]. Những phẩm chất này đã và đang là vật cản trên con đường CNH, HĐH ở nước ta hiện nay. Trong khi đó CNH, HĐH ở nước ta đòi hỏi người lao động phải có những năng lực phẩm chất mới.

Trước hết đòi hỏi người lao động Việt Nam phải có lòng yêu nước nồng nàn, có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần tự cường dân tộc, có lòng tự trọng dân tộc cao, quyết tâm đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, thực hiện CNH, HĐH vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Lòng yêu nước đó phải thấm sâu vào con tim khối óc, và phải được biểu hiện bằng tình cảm, hành động, việc làm cụ thể, chứ không phải bằng tình yêu trừu tượng hoặc mơ hồ nào đó.

CNH, HĐH ở nước ta diễn ra trong bối cảnh quốc tế còn diễn biến hết sức phức tạp, chứa đựng những yếu tố khó lường, khi các thế lực thù địch vẫn mưu toan thực hiện “*diễn biến hòa bình*”. Vì vậy, nó đòi hỏi con người Việt Nam, trước hết là những cán bộ quản lý cao cấp, một đức tính trung thành với lợi ích quốc gia – dân tộc, mà còn góp phần đem lại phồn vinh cho đất nước nâng cao vị thế đất nước lên tầm cao hơn nữa trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, rõ ràng là, nếu chỉ có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng nhưng thiếu đi tri thức, kiến thức khoa học, tức là có đức mà không có tài thì như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: Cũng chẳng khác gì ông Bụt ngồi trên tòa sen không làm việc gì xấu nhưng cũng chẳng làm việc gì có ích cho đời. Tri thức, trí tuệ thực sự là yếu tố thiết yếu của mỗi con người “*Tất cả cái gì thúc đẩy con người hành động đều tất nhiên phải thông qua đầu*

*óc họ” [10, tr. 438]. Tức là phải thông qua trí tuệ. Sự yếu kém về trí tuệ là lực cản nguy hại nhất dẫn đến sự thất bại trong hoạt động của con người. Nói về sự ngu dốt C.Mác đã khẳng định: *sự ngu dốt là sức mạnh của ma quỷ và chúng ta lo rằng nó sẽ là nguyên nhân của nhiều bi kịch khác nữa.**

CNH, HĐH ở nước ta trong thời đại cách mạng khoa học và công nghệ đòi hỏi khá cao về phẩm chất trí tuệ con người, một phẩm chất được coi là quan trọng hiện nay. Đó là người lao động phải có năng lực sáng tạo, có khả năng áp dụng những thành tựu khoa học để sáng chế ra những kỹ thuật công nghệ tiên tiến, có năng lực thu thập và xử lý thông tin trong điều kiện bùng nổ thông tin, có sự nhạy bén, thích nghi nhanh và thực sự làm chủ khoa học, kỹ thuật, công nghệ hiện đại chứ không như rô-bô đơn thuần. Đồng nghiệp, nghĩa là, phải có kỹ năng lao động giỏi thể hiện qua trình độ tay nghề, mức độ thành thạo chuyên môn nghề nghiệp.

Nếu như ngày trước ông cha ta khẳng định: Một nghề cho chín, hơn chín mươi nghề, thì sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đòi hỏi người lao động ở chức trách nào cũng phải tinh thông nghiệp vụ của mình: người đầu bếp thì phải nấu ăn ngon, thầy thuốc thì phải giỏi trị bệnh cứu người, công nhân thì phải giỏi ngành nghề, giám đốc phải giỏi kinh doanh quản lý... Lời dạy của Người càng trở nên thấm thía trong điều kiện hiện nay, khi quá trình CNH, HĐH càng đi vào chiều sâu càng đòi hỏi trình độ chuyên môn hóa cao của đội ngũ lao động nhằm đạt được năng suất lao động xã hội, hiệu quả sản xuất, kinh doanh cao gấp nhiều lần so với hiện nay.

Tóm lại, quá trình CNH, HĐH trong điều kiện ngày nay đòi hỏi người lao động phải có năng lực sáng tạo, khả năng thích nghi và kỹ năng lao động giỏi đó là những yêu cầu chung đối với người lao động. Tuy nhiên, các thành phần lao động khác nhau thì mức độ yêu cầu chuyên sâu của mỗi loại năng lực

cũng khác nhau. Điều này đòi hỏi Đảng, Nhà nước và các nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp phải cơ cấu lại đội ngũ theo hướng chuyên sâu.

Một yếu tố nữa không thể thiếu đối với con người Việt Nam trong quá trình CNH, HĐH là yếu tố sức khỏe. Sức khỏe là yêu cầu đầu tiên đối với con người ở mọi thời đại lịch sử, mọi quốc gia khác nhau, song ở từng thời đại, từng quốc gia khác nhau có những yêu cầu mức độ nội dung khác nhau. Còn nói chung sức khỏe được hiểu không phải chỉ là tình trạng không có bệnh tật, mà còn là sự thoải mái, hoàn thiện về thể chất, về trí lực và về xã hội. Mọi người lao động, dù là cơ bắp đơn thuần hay lao động trí óc đều trước hết phải có sức khỏe theo cách tìm hiểu như trên.

Tuy nhiên, trước hết con người phải có sức khỏe cơ thể với tư cách là điều kiện tiên quyết để duy trì và phát triển trí tuệ, là phương tiện thiết yếu để chuyển tải tri thức và hoạt thực tiễn, để biến tri thức thành sức mạnh vật chất. Đồng thời phải có trí lực – đó là sự dẻo dai của hoạt động thần kinh, là sức mạnh của niềm tin và ý chí, là sự sáng tạo và khả năng vận động của trí lực.

Trong điều kiện cách mạng khoa học và công nghệ, CNH gắn liền với HĐH như hiện nay, hàm lượng trí tuệ, chất xám trong sản phẩm lao động chiếm tỷ trọng lớn, thì yêu cầu trí lực ngày càng cao. Bởi vì trong quá trình CNH, HĐH cũng như trong cuộc sống cạnh tranh quyết liệt ngày nay, vai trò quyết định thuộc về lao động trí tuệ và năng lực của đội ngũ lao động. Song muốn lao động trí tuệ hiệu quả, muốn thúc đẩy năng lực sáng tạo thì người lao động không những phải có sức khỏe cơ thể tốt mà hơn thế nữa phải có trí lực cao. Để có trí lực cao, họ phải có sức khỏe cơ thể tốt.

Mặt khác, họ còn được giáo dục và đào tạo kỹ lưỡng, thể hiện qua trình độ học vấn và văn hóa, nhất là phải được sống trong môi trường xã hội thuận lợi, có văn hóa đạo đức, thực sự dân chủ, bình đẳng, được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời. Nói tóm lại, việc bảo đảm sự thoải mái, hoàn thiện

về thể chất trí lực và xã hội đòi hỏi phải có một môi trường tự nhiên, môi trường tinh cảm và một môi trường xã hội lành mạnh.

Nền sản xuất công nghiệp còn đòi hỏi ở người lao động hàng loạt các phẩm chất cần thiết như: có tính tự giác kỷ luật, biết tiết kiệm nguyên liệu và thời gian, có tinh thần trách nhiệm, có lương tâm nghề nghiệp...Nghĩa là người lao động phải có văn hóa lao động công nghiệp. Có thể nói, một trong những phẩm chất của văn hóa lao động là tinh thần trách nhiệm cao đối với chất lượng sản phẩm được sản xuất ra.

Mặt khác, quá trình thực hiện CNH, HĐH còn đụng chạm đến vấn đề phức tạp trong quan hệ giữa con người với thiên nhiên, mà chỉ có thể giải quyết được nhờ trình độ văn hóa sinh thái cao. Nó đòi hỏi con người phải có trình độ, hiểu biết và trách nhiệm cao trong việc bảo vệ, cải tạo môi trường sống vì sự phát triển bền vững hay nói một cách ngắn gọn là phải có văn hóa sinh thái. Đây là vấn đề cấp bách, sống còn, không chỉ đối với quốc gia, dân tộc, mà còn là đối với văn minh nhân loại. Con người vốn có cội nguồn từ thiên nhiên, gắn bó chặt chẽ với thiên nhiên, không thể tách rời thiên nhiên trong quá trình tồn tại của mình, con người có ý thức hoặc vô thức đã tàn phá, hủy hoại nghiêm trọng môi trường sống của chính mình.

Nước ta trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH trong điều kiện nền kinh tế thị trường, do đó vấn đề bảo vệ môi trường trở nên cấp thiết. Đảng ta cũng đã ý thức rõ điều đó thể hiện ở việc xác định mục tiêu lâu dài của CNH, HĐH *“bảo đảm sự tăng trưởng nhanh và lâu bền của nền kinh tế, gắn với việc xử lý tốt các vấn đề công bằng và tiến bộ xã hội, môi trường sinh thái [15, tr. 29].”*

Ngoài ra, cũng nhận thấy rằng, sự nghiệp CNH, HĐH khó có thể đạt được kết quả nếu người lao động chưa ý thức tạo ra, vun đắp và giữ gìn giá trị nhân văn. Môi trường sống có tính nhân văn cao là điều kiện quan trọng để nâng cao tích cực xã hội của người lao động trong bối cảnh nền kinh tế thị

trường. Trong cơ chế thị trường, lợi ích cá nhân được khuyến khích bảo đảm bằng pháp luật, tạo điều kiện cho con người tham gia vào các quan hệ kinh tế - xã hội. Do đó con người trở nên năng động, tích cực, nỗ lực, khôn ngoan, quyết đoán hơn. Tuy nhiên do bản chất của nó về cơ bản thị trường khó có thể dung hợp với công bằng xã hội và trung thực, nên cơ chế thị trường đồng thời đã thúc đẩy, khuyến khích những hành động, những cách cư xử vụ lợi, lối sống vị kỷ, bất chấp đạo lý, pháp luật, kỷ cương *“Tệ sùng bái nước ngoài, coi thường những giá trị văn hóa dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân vị kỷ...đang gây hại đến thuần phong mỹ tục của dân tộc... Nghiêm trọng hơn là sự suy thoái đạo đức, lối sống của bộ phận không nhỏ cán bộ, Đảng viên trong đó có cả cán bộ có chức có quyền. Nạn tham nhũng, dùng tiền của nhà nước tiêu xài phung phí, ăn chơi sa đọa không ngăn chặn có hiệu quả”* [20, tr. 46 – 47].

Chính vì vậy, sự nghiệp CNH, HĐH ở nước ta phải đề cao giá trị nhân văn. Nó đòi hỏi con người phải có lối sống lành mạnh, nhân nghĩa, nếp sống văn minh, coi trọng chữ tín, khoan dung và tôn trọng sự đa dạng, sự khác biệt, gắn bó với nhau trong lao động sản xuất. Đặc biệt người lao động Việt Nam trong quá trình CNH, HĐH phải có năng lực phát huy những giá trị truyền thống, giá trị văn hóa của dân tộc, kết hợp với tinh hoa văn hóa nhân loại.

Trên đây là những phẩm chất chủ yếu của người lao động trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước, đó cũng là những yếu tố cơ bản của một nhân cách phát triển toàn diện. Nói cách khác, chủ nhân của đất nước ở thời kỳ CNH, HĐH phải là *“những con người phát triển cả về trí lực và thể lực, cả về khả năng lao động về tích cực chính trị - xã hội, về đạo đức, tình cảm trong sáng”*.

2.2 QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ NHÂN TỐ CON NGƯỜI VÀ VIỆC PHÁT HUY NHÂN TỐ CON NGƯỜI TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

2.2.1 Quan điểm của Đảng về nhân tố con người trong quá trình CNH, HĐH đất nước

Thế nào là nhân tố con người ? Nói đến nhân tố con người là nói đến hoạt động vật chất và tinh thần của con người. Thông qua hoạt động, con người coi là động lực quyết định sự vận động, phát triển xã hội. Chúng tôi sử dụng khái niệm “*nhân tố con người*” trong bài cùng nghĩa với khái niệm “*nguồn lực con người*” và “*nguồn nhân lực*” khi đặt nó trong mối quan hệ với nhân tố khác, ở chỗ, nó đều thể hiện đặc trưng, thuộc tính cơ bản của con người như: là nhân tố hoạt động sống, khả năng tái sinh và tiềm năng vô tận của trí tuệ, tinh thần con người. Là một nguồn lực, cũng như các nguồn lực khác (tài nguyên thiên nhiên, vốn, công nghệ...) con người tạo ra sức mạnh tham gia quá trình thúc đẩy sự phát triển của một quốc gia – dân tộc. Song nguồn lực con người khác với nguồn lực khác ở chỗ, các nguồn lực khác mới phát huy tác dụng và có ý nghĩa đối với sự phát triển, vì thế nó là nguồn lực của mọi nguồn lực. Mặt khác nó không chỉ là chủ thể quyết định sự vận động và phát triển của xã hội, mà còn là khách thể của quá trình kinh tế - xã hội. Là chủ thể, con người khai thác, sử dụng nguồn lực khác hiện có, đồng thời qua đó góp phần tạo ra các nguồn lực mới để duy trì và phát triển xã hội. Là khách thể, con người trở thành đối tượng khai thác cả về thể lực và trí lực cho mục tiêu phát triển xã hội.

Vấn đề nhận thức về vai trò của nhân tố con người không chỉ được Đảng ta khẳng định trong quá trình CNH, HĐH đất nước mà ngay từ những năm đầu khi Đảng cộng sản Việt Nam mới thành lập. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh thì con người – quần chúng nhân

dân là nhân tố quyết định thành công sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội cũng như xây dựng đất nước, xây dựng chế độ mới. Cách mạng không chỉ là sự nghiệp vì con người mà trước hết đó là sự nghiệp do con người thực hiện. Từng con người, cá nhân con người khi được phát huy hết trí tuệ, năng lực sáng tạo được tập hợp thành một lực lượng đã thúc đẩy lịch sử phát triển.

Đảng ta đã nhiều lần khẳng định: *con người là vốn quý nhất*. Đại hội Đảng lần thứ ba (1960) khi đưa ra nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà, Đảng ta đã khẳng định: “*Con người là vốn quý nhất*”. Cõi con người là vốn quý nhất, truyền thống tự ngàn xưa của dân tộc đã được Đảng ta và Hồ Chí Minh nâng lên một tầng cao mới, với nhận thức và định hướng mới, qua mỗi chặng đường cách mạng. Đảng ta đã quan niệm: Trước hết con người phải được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, phải được sống trong đất nước hòa bình, độc lập, phải vươn lên làm chủ xã hội, và điều quan trọng là phải được tự do phát triển. Quá trình nghe tưởng đơn giản mà gần một thế kỷ qua, biết bao thế hệ người Việt Nam đã đấu tranh bền bỉ, kiên cường, không ít người đã ngã xuống để dành cho được mục tiêu đó.

Đại hội lần thứ IV (1976) khi Đảng ta xác định đưa cả nước lên chủ nghĩa xã hội thì vấn đề xây dựng con người được nổi lên hàng đầu, vì con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực, vừa là điều kiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đại hội đã đưa ra luận điểm: “*Con người mới – con người làm chủ tập thể*”. Một xã hội mới đòi hỏi phải xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, đem lại giá trị chân chính cho con người, tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện để trở thành chủ thể có ý thức trong việc sáng tạo ra lịch sử.

Con người mới là con người có tư tưởng đúng đắn và tình cảm đẹp, có tri thức, có thể lực để làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân. Con người mới là con người làm việc có tinh thần tự giác cao, đầy đủ nhiệt

tinh cách mạng, trung thực, thật thà, quý trọng và bảo vệ của công, lao động kỷ luật, có kỹ thuật, có sáng tạo và đạt năng suất cao.

Con người mới là con người có lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, kết hợp nhuần nhuyễn với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng.

Con người mới là con người có tình yêu thương sâu sắc với nhân dân lao động, biết đoàn kết hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau trong lao động, chiến đấu, xây dựng cuộc sống mới.

Con người mới là con người phát triển toàn diện, có cuộc sống tập thể và cá nhân hài hòa phong phú [10, tr. 28].

Đồng chí Bregioneb – tổng bí thư Đảng cộng sản Liên Xô đã nói: “*Sự nghiệp vĩ đại của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội không thể tiến lên được nếu thiếu sự phát triển toàn diện của chính con người. Chủ nghĩa cộng sản không thể có được nếu không có trình độ cao của văn hóa giáo dục, của sự giác ngộ xã hội, sự chín muồi bên trong con người, cũng giống như chủ nghĩa cộng sản không thể có được nếu không có cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối*”.

Đại hội lần thứ V (1982) Đảng ta phát triển luận điểm “*Con người mới*” nhấn mạnh lòng nhân ái là truyền thống lâu đời của nhân dân ta. Đại hội lần VI (1986) Đảng ta đưa ra đường lối đổi mới đất nước và đặc biệt nhấn mạnh vai trò quan trọng của “*nhân tố người*” trong toàn bộ sự phát triển kinh tế - xã hội. Tư tưởng xuất phát điểm của Cương lĩnh mới của Đảng ta và chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 do Đại hội lần thứ VII (1991) thông qua là tư tưởng đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đây cũng là tư tưởng của thời đại ngày nay như Hội nghị thượng đỉnh toàn thế giới về phát triển xã hội họp tháng 3 – 1995 ở Đan Mạch đã tuyên bố. Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định : nguồn lực lớn nhất, quý

báu nhất của chúng ta là tiềm lực con người Việt Nam, trong đó có tiềm lực trí tuệ, sức sáng tạo, tài năng, sự nhiệt tình lao động và năng suất lao động.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tư (khóa VII) đã nâng tầm nhận thức của Đảng lên cao hơn về vai trò của con người : sự phát triển của con người quyết định mọi sự phát triển, như phát triển xã hội, phát triển kinh tế, phát triển văn hóa...tại hội nghị này, đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười đã nói: *“ Chúng ta cần hiểu sâu sắc những giá trị lớn lao có ý nghĩa quyết định của nhân tố con người, chủ thể của mọi sáng tạo, mọi nguồn của cải vật chất và văn hóa, mọi nền văn minh của các quốc gia”* [14, tr. 5]. Đại hội lần thứ VII (6- 1996) của Đảng là Đại hội CNH, HĐH đất nước, mở ra bước ngoặt lịch sử đưa đất nước lên thời kỳ phát triển hoàn toàn mới. Trong các quan điểm về CNH, HĐH có một quan điểm cực kỳ quan trọng khẳng định; *lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.*

Quan điểm này là bài học lịch sử rút ra từ lịch sử dựng nước và giữ nước của chúng ta. Đó cũng là bài học của nhân loại đúc kết qua mấy nghìn năm hình thành và phát triển nền văn minh. Hơn nữa, cả thế giới loài người ngày nay đang bước vào nền văn minh trí tuệ, xã hội tương lai là xã hội học tập, cách mạng khoa học thông tin *“một nền văn minh mới với hạt nhân cốt lõi là quan hệ người người”*.

Nói đến CNH, HĐH ở nước ta là nhằm mục đích phát triển toàn diện ba hệ thống: kinh tế - xã hội – môi trường, để phát triển toàn diện con người. Phát triển người là đặc trưng bản chất CNH, HĐH xã hội, con người là chủ thể, là nhân tố năng động nhất, sáng tạo nhất trong mối quan hệ của ba hệ thống đó. Bởi vì trình độ phát triển kinh tế ở một quốc gia thì khả năng trí tuệ của người lao động mang tính quyết định. Hơn nữa, nói đến CNH, HĐH ở nước ta là nói đến việc xây dựng một nền sản xuất hiện đại, trong đó, con

người là lực lượng sản xuất hàng đầu. CNH, HĐH ở nước ta khác với thời kỳ trước là ngoài việc phát triển có kế hoạch định hướng xã hội chủ nghĩa còn lấy nhân tố thị trường điều tiết kinh tế, tuy nhiên yếu tố quyết định cạnh tranh chính là nhân tố con người.

Nước ta tiến hành CNH, HĐH đất nước trong điều kiện tồn tại những thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ đan xen nhau, tác động lẫn nhau... Xét đến cùng để tận dụng những thuận lợi và thời cơ, khắc phục những khó khăn và nguy cơ, để “đi tắt, đón đầu”, thực hiện được các mục tiêu CNH, HĐH tùy thuộc có tính quyết định vào nhân tố con người. CNH, HĐH vì con người và dân tộc Việt Nam, bằng sức mạnh của con người và dân tộc Việt Nam.

Cho đến nay, chúng ta vẫn còn là một nước nông nghiệp lạc hậu, chậm phát triển, để mau chóng thoát khỏi tình trạng đó, chúng ta không còn có con đường nào khác ngoài con đường CNH, HĐH. Không chỉ là con đường tắt yếu, CNH, HĐH xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu “*dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh*”, mà còn là “*một cuộc cách mạng toàn diện và sâu sắc trong tất cả các lĩnh vực khác của đời sống xã hội*” – cách mạng con người, vì con người và do con người. Bởi lẽ, khi nói đến những ưu việt chủ nghĩa xã hội chúng ta không thể nói khác ngoài khẳng định “*những ưu việt ấy không thể do ai đưa đến cho chúng ta, cũng không thể tự nhiên mà có. Đó phải là kết quả của sự nỗ lực vượt bậc và bền bỉ của nhân dân ta, với những con người phát triển cả về trí tuệ và thể lực, cả khả năng lao động, về tính tích cực chính trị - xã hội, về đạo đức, tình cảm trong sáng*” [14, tr. 5- 6]. Việc Đảng ta chủ trương đi vào CNH, HĐH bằng trí tuệ của mình, nhân cách của mình dựa trên nền văn hiến lâu đời của dân tộc. Trong các yếu tố phát triển nhanh và bền vững thì nguồn lực con người là yếu tố cơ bản nhất. Bởi lẽ, nguồn lực con người Việt Nam với đức tính cần cù, sáng tạo,

có trình độ văn hóa, kỹ thuật nghiệp vụ cao, có tay nghề vững sẽ là yếu tố quyết định để tạo ra phương pháp và công nghệ hiện đại.

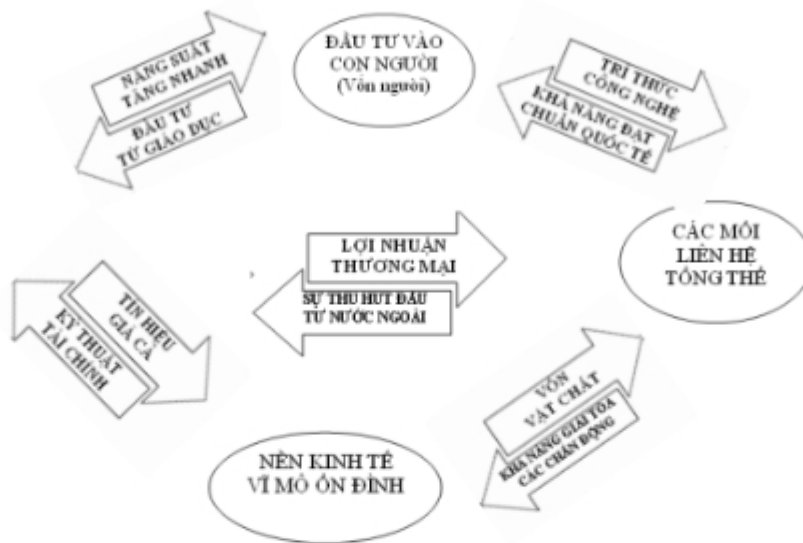
Nguồn lực con người trong đó đội ngũ cán bộ khoa học – kỹ thuật là lực lượng nòng cốt trong nguồn nhân lực sẽ quyết định việc tổ chức và thực hiện quá trình CNH, HĐH, sẽ quyết định việc tổ chức và thực hiện quá trình CNH, HĐH.

Tốc độ tăng trưởng GDP phụ thuộc vào vốn đầu tư, lực lượng lao động, đổi mới công nghệ. Khả năng cạnh tranh phụ thuộc vào lợi thế so sánh, tăng trưởng hàm lượng trí tuệ, khả năng đáp ứng quy luật cung - cầu và sự phát triển lực lượng lao động sẽ làm cho chi phí sản xuất giảm, năng suất tăng, chất lượng sản phẩm cùng quy trình công nghệ nghiêm ngặt được bảo đảm, giảm giá thành sản phẩm. Như vậy, vai trò của nhân tố con người được thể hiện tập trung ở vai trò nguồn nhân lực, nhưng có nghĩa rộng hơn, bao gồm những mục tiêu, động lực, phẩm chất và năng lực của con người.

Khi xác định chiến lược phát triển trong giai đoạn hiện nay là đẩy mạnh CNH, HĐH Đảng ta đã chỉ rõ những nguồn lực làm cơ sở cho việc thực hiện thành công sự nghiệp CNH, HĐH là: nguồn lực tự nhiên (vị trí địa lý, môi trường, tài nguyên, khoáng sản); nguồn lực vốn, tín dụng; khoa học công nghệ, nguồn lực con người. Trong các nguồn lực này thì nguồn lực con người đóng vai trò quyết định.

Coi nguồn lực con người là yếu tố cơ bản quyết định thành công của CNH, HĐH đó là một trong các quan điểm chính của Đảng ta để phát triển nhanh và bền vững đất nước trong thời kỳ mới. Nguồn lực con người có khi gọi là nguồn nhân lực hay vốn người. Vốn người giữ vai trò đặc biệt trong sơ đồ cấu trúc các yếu tố phát triển kinh tế (hình 2.2) . Gọi là vốn tức là coi con người như một thứ tài nguyên, và là thứ tài nguyên đặc biệt, là một thứ vốn

quý nhất, như một chân lý ngàn đời của loài người, mà ngày nay mọi người đều nhắc lại, ngẫm nghĩ sâu hơn. Bởi vì :



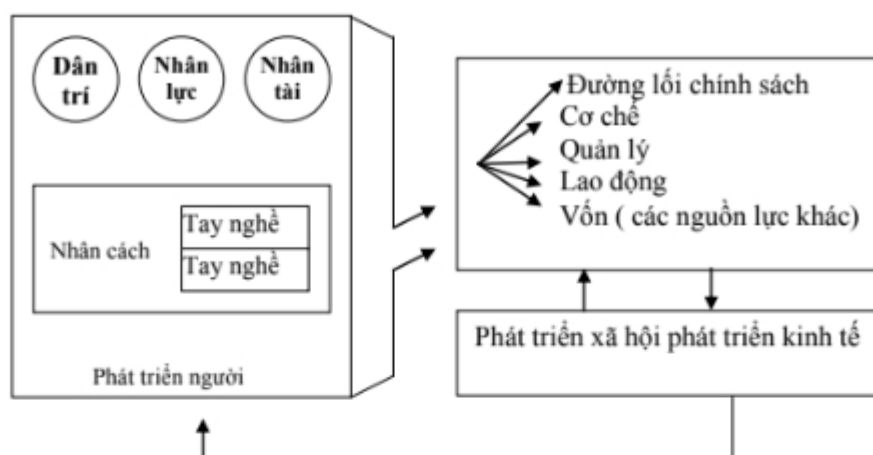
Hình 2.2. Các nhân tố phát triển kinh tế - xã hội (theo ngân hàng thế giới)

Thứ nhất, các nguồn lực khác khai thác mãi cũng đến lúc cũng phải cạn kiệt, chỉ có nguồn lực con người (với trí tuệ và chất xám) là có khả năng tái sinh vô hạn.

Thứ hai, tự mình các nguồn lực khác không thể trở thành nguồn lực phát triển, muốn trở thành động lực phát triển chúng phải cần đến sức lực và trí tuệ con người. Chính con người tạo ra nguồn vốn, khai thác và phục hồi lại các nguồn lực khác (đất đai, tài nguyên...)

Thứ ba, con người với tất cả những phẩm chất tích cực của mình, tự mình có thể trở thành động lực phát triển của CNH, HĐH.

Hơn nữa, nguồn lực con người được coi là vô tận, phong phú, vô giá, quý báu nhất, duy nhất sáng tạo có khả năng sinh ra giá trị lớn hơn nhiều lần bản thân nó trong quá trình sản xuất và xã hội. Khả năng sáng tạo, tích cực, chủ động của nhân tố con người cho phép con người làm chủ bản thân, làm chủ quá trình sản xuất, làm chủ quy trình và công nghệ sản xuất.



Hình 2.3. Nguồn lực người – yếu tố cơ bản của phát triển kinh tế - xã hội.

Đảng ta còn khẳng định: “*Một đất nước với hơn 80 triệu dân, trong đó gần 40 triệu dân trong độ tuổi lao động mà từ nay đến năm 2000 còn hơn thế nữa – đó là lợi thế to lớn, một nguồn lực mạnh mẽ cho sự phát triển: nguồn lao động dồi dào, con người có truyền thống yêu nước, cần cù, sáng tạo, có nền tảng văn hóa, giáo dục, có khả năng nắm bắt nhanh khoa học công nghệ...Đó là nguồn lực quan trọng nhất*” [23, tr. 5].

Để thực hiện thành công sự nghiệp CNH, HĐH chúng ta không thể khai thác có hiệu quả các nguồn lực tự nhiên, không thể không sử dụng triệt để để cơ sở vật chất tiềm lực khoa học – kỹ thuật vốn có và tận dụng những khả năng to lớn về vốn, thị trường công nghệ, kinh nghiệm quản lý của bên ngoài để bổ sung và phát triển sức mạnh trong nước khi mở cửa giao lưu, hội nhập, hợp tác kinh tế với cộng đồng thế giới. Song, để có sự bền vững thì xét đến cùng, chúng ta không thể không sử dụng và phát huy tối đa nguồn lực lâu bền nhất, quan trọng nhất – nguồn lực con người. Và hơn nữa nó biến thành động lực cho sự phát triển lâu bền. Bởi lẽ, khi đã hội tụ các nguồn lực khác trong tay chúng ta cũng không thể biến chúng thành lợi thế phát triển một khi

không có những con người Việt Nam có đủ năng lực và phẩm chất để khai thác nguồn lực đó.

Thật vậy, trong thời đại cách mạng khoa học – công nghệ và quốc tế hóa quan hệ kinh tế hiện nay, có những nước nghèo tài nguyên thiên nhiên như Hàn Quốc, Nhật Bản, nhưng họ đã thành công trong chiến lược nâng cao chất lượng con người, coi con người là tài nguyên vô giá và đầu tư lớn cho việc nâng cao chất lượng nguồn tài nguyên sức người vô giá ấy, lấy đó làm đòn bẩy kinh tế, hiện đại hóa xã hội. Những thành tựu kinh tế mà họ làm được cho thấy con người là vốn quý nhất, là nguồn gốc, nguyên nhân của những thành tựu kinh tế.

Tuy nhiên, khi nói rằng nguồn lực con người có vai trò quyết định thì điều đó không có nghĩa là tách nguồn lực con người một cách biệt lập với nguồn lực tự nhiên và các nguồn lực khác. Trái lại, khi khẳng định nguồn lực đóng vai trò quyết định thì điều đó có nghĩa là đặt nguồn lực con người trên cơ sở, tiền đề của các nguồn lực hiện có. Những yếu tố quan trọng nhất trong nguồn lực con người được thể hiện không phải số lượng mà là ở chất lượng nguồn lực con người. Đây mới chính là, yếu tố quyết định đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, cũng như sự nghiệp CNH, HĐH. Nói đến chất lượng của nguồn lực con người là nói đến hàm lượng trí tuệ ở trong đó nói tới; *“người lao động có trí tuệ cao, có tay nghề thành thạo, có phẩm chất tốt đẹp, được đào tạo, bồi dưỡng và phát huy bởi một nền giáo dục tiên tiến gắn với một nền khoa học, công nghệ hiện đại”* [20, tr. 9].

Như vậy, với nguồn lực tự nhiên không thực sự giàu có, cộng thêm sự tàn phá nặng nề của chiến tranh và những sai lầm của cơ chế cũ. Để sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thành công, nhằm đưa đất nước ta trở thành nước công nghiệp trong các nguồn lực nội sinh hiện có của đất nước thì nguồn lực con người (nhân tố con người) được Đảng ta xác định giữ vị trí

trung tâm và đóng vai trò quyết định. Bởi vì, nguồn lực con người Việt Nam với khả năng trí tuệ là nguồn lực vô giá, có thể tự nảy sinh và tái sinh. Hơn thế nữa, trong cuộc sống con người luôn mong muốn và bằng mọi cách để phát triển toàn diện và ngày càng hoàn thiện mình. Chính con người tạo ra vốn, lập kế hoạch để khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách tối ưu, xây dựng cơ sở vật chất, phát minh ra nguồn lực mới. Hoạt động của con người là hoạt động sáng tạo với kinh nghiệm và tri thức của mình, con người tổ chức và sử dụng các nguồn lực khác để tạo thành một hệ thống động lực thúc đẩy xã hội phát triển.

2.2.2 Quan điểm của Đảng về phát huy nhân tố con người

Khi nói đến nhân tố con người, Đảng ta coi nó là vai trò là chủ thể, là vốn quý nhất, coi đây là nguồn lực nội sinh quyết định sự phát triển của xã hội. Nhưng bản thân những đặc trưng, thuộc tính của nhân tố con người tự nó chưa đem lại sự biến đổi tích cực, có hiệu quả. Vì vậy, vấn đề là phải làm như thế nào để biến nó thành động lực. Chúng ta phải phát huy nhân tố con người (nguồn nhân lực con người) khi con người trở thành một điều kiện, một tiềm năng cần phát huy để tạo ra động lực phát triển của một quá trình xã hội. Nhân tố con người phải trở thành nguồn nhân lực, nguồn lực sinh ra nguồn lực khác. Nguồn lực con người là số dân và chất lượng con người, bao gồm cả thể chất và tinh thần, sức khỏe và trí tuệ năng lực và phẩm chất. vì vậy chúng ta phải tập trung vào chăm sóc, bồi dưỡng, đào tạo và phát huy sức mạnh của con người Việt Nam thành lực lượng lao động xã hội, lực lượng sản xuất có đủ bản lĩnh và kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, đủ sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hợp tác và cạnh tranh trong cơ chế thị trường theo xu hướng toàn cầu mở cửa, nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Sức mạnh của các con người và các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam phải thể hiện thành” *Sức mạnh của đội ngũ nhân lực, trong đó có*

bộ phận nhân tài, trên sức mạnh dân trí với cốt lõi là nhân cách, đậm đà bản sắc dân tộc”.

Thực chất của quá trình này là phát hiện sử dụng những tiềm năng sáng tạo của con người như thể lực, năng lực nhận thức và hoạt động thực tiễn, những truyền thống tốt đẹp. Hơn nữa, ngày nay, sự phát triển của con người đã trở thành tiêu chí ngày càng quan trọng trong việc xếp hạng các nước trên thế giới. Đánh giá tiến bộ kinh tế và xã hội của một nước, một quốc gia, người ta không chỉ dựa vào sản phẩm quốc dân như trước nữa, không chỉ dựa vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, mà còn dựa trên cơ sở của những yếu tố mang tính nhân văn như mức thu nhập, trình độ học vấn, tuổi thọ... của người dân. Hơn nữa, con người với tư cách của chủ thể mọi sáng tạo, mọi nguồn của cải vật chất và tinh thần, mọi nền văn minh phải được coi là giá trị giống nhau và có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ quá trình phát triển và tiến bộ xã hội.

Phát huy nguồn lực con người thể hiện ở ba mặt: phát triển nguồn nhân lực, sử dụng nguồn nhân lực và nuôi dưỡng môi trường cho nguồn nhân lực. tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu và mục đích của đề tài chúng tôi cố gắng tìm ra những quan điểm thể hiện sự nhận thức của Đảng trong việc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người trong quá trình CNH, HĐH chứ không đi sâu nghiên cứu nội dung như đã nói trên.

Thực chất của phát huy nhân tố con người là hướng vào mỗi cá nhân, đề cao tính độc lập tự chủ, đoàn kết, sáng tạo chăm lo đến đời sống của nhân dân là ngọn nguồn của sáng tạo. Hoặc đặt con người vào đúng vị trí của nó, để con người có cơ hội bộc lộ mình ở nhiều vị trí khác nhau... Như vậy, phát huy nhân tố con người là một quá trình bao gồm hai mặt: tích cực hóa nhân tố con người trên cơ sở không ngừng nâng cao chất lượng nhân tố con người. Tích cực hóa nhân tố con người là quá trình phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng có hiệu quả tích cực, tự giác, sáng tạo của con người. Nâng cao chất lượng nhân

tổ con người và hướng về gia tăng các giá trị về phẩm chất xã hội: Lý tưởng chính trị, đạo đức niềm tin... Nếu quá trình tích cực hóa con người nhằm hiện thực hóa tiềm năng của chủ thể, tạo nên động lực phát triển, thì nâng cao chất lượng nhân tố con người thông qua giáo dục và đào tạo nhằm tạo tiềm năng, chuẩn bị con người cho sự phát triển xã hội.

Trong toàn bộ sự nghiệp hoạt động cách mạng của mình, Đảng ta luôn quán triệt tư tưởng coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển. Chính vì vậy, Đảng ta đã nhiều lần khẳng định: Chăm lo hạnh phúc của con người là mục tiêu phấn đấu cao nhất của chế độ ta. Trên thực tế trong suốt những năm tháng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã cố gắng làm nhiều việc theo hướng đó, và việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho những người lao động vẫn còn thấp hơn nhiều so với yêu cầu phát triển của đất nước, song đã phần nào đáp ứng được nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *“Việc gì có lợi cho dân ta phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân ta phải hết sức tránh”, “Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người”, “muốn xây dựng xã hội chủ nghĩa, trước hết cần phải có những con người xã hội chủ nghĩa”* đã trở thành tư tưởng quán xuyên suốt toàn bộ hoạt động của Đảng ta.

Nhận thức rõ vai trò của CNH, HĐH đối với sự phát triển của đất nước và vai trò của nguồn lực con người đối với CNH, HĐH. Với tư cách là Đảng cầm quyền, mọi chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng đều quán triệt việc chăm sóc, bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người. Đặc biệt trong những năm gần đây Đảng ta đã ban hành hàng loạt nghị quyết về phương hướng, mục tiêu, điều kiện, giải pháp thuộc nhiều lĩnh vực có liên quan đến sự nghiệp chăm sóc, bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, phát triển con người Việt Nam cho toàn diện, với tư cách là mục tiêu là động lực phát triển, là nội lực cho CNH, HĐH đất nước.

Rõ ràng, vai trò của nguồn lực con người được Đảng ta khẳng định là yếu tố năng động nhất, là đòn bẩy để phát triển kinh tế, hiện đại hóa xã hội. Chúng ta nhận thức rằng từ công tác quản lý một doanh nghiệp, một tổ chức quản lý xã hội đến quản lý một quốc gia mà coi nhẹ phát triển nguồn nhân lực, thì chắc chắn các tổ chức ấy sẽ rơi vào tình trạng trì trệ, không phát triển, đối nội thì năng suất lao động, chất lượng hiệu quả của công tác giảm sút, đối ngoại thì không đủ sức cạnh tranh, không thích ứng được với những biến đổi nhanh chóng của thời cuộc, những đòi hỏi của cuộc sống. Điều đó cho thấy rằng, chăm lo phát triển nguồn nhân lực là cơ sở vững bền nhất cho sự phát triển kinh tế và hiện đại hóa xã hội. Với ý nghĩa đó con người cần được xem xét như một nguồn tài nguyên thiên nhiên đặc biệt, phát triển nguồn nhân lực trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu của hệ thống phát triển nguồn lực như vật lực, tài lực...cho nên, phát triển nguồn nhân lực bao giờ cũng giữ vai trò chủ đạo, chiếm vị trí trung tâm trong sự nghiệp CNH, HĐH. Nhờ đó mà có thể đưa nước ta từ nền kinh tế tiểu nông, lạc hậu thành một nước công nghiệp theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đảng ta coi việc phát triển nguồn lực con người là nhằm đáp ứng sự phát triển kinh tế - xã hội và các lĩnh vực khác, và chính nó quyết định sự phát triển của các lĩnh vực ấy. Hiện nay, sự nghiệp CNH, HĐH đang *“đòi hỏi phải có con người rất mực trung thành, giàu lòng yêu nước, có trình độ kiến thức hiện đại và kỹ năng thành thạo, có khả năng làm ra những sản phẩm sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước”* [18, tr. 14]. Đó là những con người Việt Nam yêu nước, yêu Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và yêu lao động phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức, kết tinh những sản phẩm tốt đẹp của con người mới xã hội chủ nghĩa *“vừa hồng”, “vừa chuyên”* thể hiện qua các nhóm phẩm chất sau:

- Bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng; đạo đức lối sống trong sáng; trung thành tuyệt đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân, suốt đời tự nguyện phấn đấu, hy sinh cho sự nghiệp cách mạng của Đảng thực hiện mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh...

- Trí tuệ phát triển cao, trình độ học vấn và trình độ chuyên môn vững vàng, năng động và sáng tạo trong công việc, có khả năng hợp tác và thích ứng với điều kiện mới. Những phẩm chất này cho phép con người Việt Nam đáp ứng được các yêu cầu của CNH, HĐH và sự phát triển của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Thể lực tốt, đời sống tinh thần phong phú, luôn được nâng cao. Sự cường tráng về thể chất là yêu cầu tiên quyết bắt buộc của người lao động, là cơ sở để phát triển trí tuệ, tài năng ... và tạo ra sự giàu có về tài sản vật chất và tinh thần cho xã hội.

Như vậy, sự nghiệp đổi mới, CNH, HĐH đất nước đã và đang đặt ra những yêu cầu mới và cấp bách đối với việc xây dựng con người và các thể hệ người Việt Nam gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong sáng, có năng lực tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và các giá trị văn hóa truyền thống biết làm chủ tri thức và công nghệ hiện đại, có tư duy sáng tạo và tác phong công nghiệp, có tính tổ chức và kỷ luật cao, có thể lực tốt.

Tuy nhiên đây là vấn đề khó khăn và phức tạp, không phải làm một vài lần là xong. Chúng ta cần suy nghĩ: làm gì và làm như thế nào, bằng cách nào có thể phát triển nguồn nhân lực với những con người “vừa hồng, vừa chuyên”.

Việc xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm. Các phẩm chất căn bản cần có ở con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa

được chi ra ngày càng rõ nét, ngày càng trở nên phù hợp. Đảng ta, trong các Nghị quyết hội nghị Trung Ương Đảng bàn về mục tiêu của giáo dục đã chỉ ra rằng: nhanh chóng đào tạo lớp người lao động có kiến thức cơ bản, làm chủ kỹ năng nghề nghiệp, quan tâm hiệu quả thiết thực, nhạy cảm với cái mới, có ý thức vươn lên về khoa học và công nghệ; xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề, các chuyên gia và nhà khoa học, nhà văn hóa, nhà kinh doanh, nhà quản lý có đủ đức, tài. Mô hình con người Việt Nam cần hướng tới như văn kiện Đại hội IX đã chỉ rõ: *“phát triển toàn diện cả về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng, tình nghĩa, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình và xã hội”* [21, tr. 114].

Để đạt được mục tiêu về chiến lược phát triển con người Việt Nam toàn diện, con người *“vừa hồng”, “vừa chuyên”, “vừa có đức”, “vừa có tài”* đủ sức đáp ứng ngày càng cao của sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH; trước hết cần phải xây dựng con người có đức. Cha ông ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: đức là nguồn gốc của con người. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, khi mà tệ nạn tham nhũng quan liêu, tình trạng suy thoái đạo đức nghiêm trọng của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa được khắc phục thì việc xây dựng con người có đức trở nên quan trọng.

Tại Hội nghị toàn thể lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng đã thảo luận và ra nhiều Nghị quyết về một số vấn đề liên quan trực tiếp đến vấn đề tinh thần và sức khỏe của nhân dân. Đó là những vấn đề về giáo dục và đào tạo, văn hóa, văn nghệ, về công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân. Tổng bí thư Đỗ Mười đã khẳng định: *“chăm sóc, bồi dưỡng và phát uy nhân tố con người vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh”* [14, tr. 6]. Quan triệt quan điểm đó, “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH” Đảng ta đã khẳng định: *“phương hướng lớn*

của chính sách xã hội là: phát huy nhân tố con người trên cơ sở đảm bảo công bằng, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi công dân, kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội, giữa đời sống vật chất và tinh thần, giữa đáp ứng nhu cầu trước mắt với chăm sóc lợi ích lâu dài, giữa cá nhân với tập thể và cộng đồng xã hội” [16, tr. 13]. Đại hội Đảng lần thứ VIII (6.1996) là Đại hội CNH, HĐH đất nước, mở ra bước ra bước ngoặt lịch sử đưa đất nước đi lên một thời kỳ phát triển mới. trong các quan điểm của Đảng về CNH, HĐH có quan điểm cực kỳ quan trọng: lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Phát triển nhanh và bền vững lấy việc bồi dưỡng và phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản tự nó đã nói lên sự phát triển của con người là nền tảng của chủ nghĩa nhân đạo hiện thực, là giá trị tuyệt đối và tự mục đích của sự phát triển và tiến bộ xã hội. Hội nghị lần thứ II Ban chấp hành Trung ương khóa VIII (12/1996) đã bàn về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ nhằm triển khai tư tưởng đó của Đại hội. Đảng ta khẳng định: “Năng cao dân trí, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực của con người Việt Nam là nhân tố quyết định thành công của công cuộc CNH, HĐH [17, tr. 21].

Sự nghiệp CNH, HĐH đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đặc biệt coi trọng về phát triển nguồn nhân lực để phát huy năng lực nội sinh của nhân tố con người, chăm lo thường xuyên đến việc làm cho người lao động, nâng cao trình độ dân trí, đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần ngày càng cao của nhân dân. Mục tiêu chiến lược này không chỉ phản ánh ước mơ ngàn đời và khát vọng chính đáng của người lao động nước ta, mà hơn thế nữa nó là quy luật khách quan cho tiến trình phát triển của nước ta, của dân tộc ta. Tổng bí thư Đỗ Mười đã nói:

Chúng ta thường nói những ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Những ưu việt ấy không thể do ai đưa đến cho ta, cũng không phải tự nhiên mà có. Đó phải

là kết quả những nỗ lực vượt bậc và bền bỉ của dân ta với những con người phát triển cả về trí lực và thể lực, cả về khả năng lao động, về tinh tích cực chính trị - xã hội, về đạo đức về tình cảm trong sáng

Thêm vào đó hướng bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người Việt Nam không thể không gắn với sự nghiệp văn hóa. Bởi lẽ, văn hóa là cái gắn với lao động sản xuất, với hoạt động và năng lực sáng tạo của quần chúng nhân dân. Văn hóa và nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy, sự phát triển kinh tế - xã hội, và hơn thế nữa, văn hóa “*là nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của sự phát triển*”. Với tư cách đó, “*văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội và từng người, từng gia đình, từng tập thể, từng cộng đồng, từng dân cư vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ của con người*” [20, tr. 54].

Chăm lo văn hóa là chăm lo củng cố nền tảng của xã hội. Thiếu nền tảng tinh thần tiến bộ và lành mạnh, không quan tâm giải quyết mối quan hệ để phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, chúng ta không hy vọng có được sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bởi thế “*xây dựng và phát triển kinh tế nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện*” [20, tr. 54].

Nói khác đi, để phát triển con người tạo nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội vì sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Chúng ta không thể không phát triển văn hóa kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa trong đó con người Việt Nam là kết quả của sự phát triển nền văn hóa Việt Nam. Và do vậy, quá trình xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam cũng chính là quá trình thực hiện chiến lược con người, xây dựng và phát huy nguồn lực con người Việt Nam. Đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho phát triển lâu bền, cho cả sự phát triển kinh tế - xã hội lẫn phát triển con người, tạo nguồn lực cho CNH, HĐH đất nước.

Tại hội nghị lần thứ V Ban chấp hành Trung ương khóa VIII Đảng ta đã xác định định hướng phát triển con người Việt Nam trong giai đoạn mới là xây dựng con người Việt Nam với đức tính:

- Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung.

- Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng ; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

- Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội.

- Thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực.

Qua thực tiễn Nghị quyết trên, dự thảo các văn kiện trình Đại hội IX của Đảng cũng chỉ rõ: nhiệm vụ trung tâm của sự nghiệp văn hóa là bồi dưỡng con người Việt Nam về trí tuệ, bản lĩnh, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, nhân cách, xây dựng thế giới quan khoa học, nhân sinh quan xã hội chủ nghĩa, hướng con người tới những giá trị chân, thiện, mỹ. Trong thời kỳ CNH, HĐH và trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cần hướng vào xây dựng con người Việt Nam có tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, có ý thức tự cường dân tộc, trách nhiệm cao trong lao động, có lương tâm nghề nghiệp, có tác phong công nghiệp.

Liên quan đến lĩnh vực văn hóa và phát huy nhân tố con người dự thảo Đại hội khẳng định những vấn đề chủ yếu sau

Một là, tiếp tục xem nhiệm vụ trung tâm của sự nghiệp văn hóa là xây dựng con người. Điều đó thể hiện sự chăm lo đến sự phát triển của con người trong thế kỷ XXI thế kỷ bảo vệ vững chắc Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

Hai là, chú ý chăm lo phát triển toàn diện con người cả về trí tuệ, bản lĩnh, tâm hồn, tình cảm, lối sống, nhân cách, xây dựng thế giới quan khoa học, nhân sinh quan xã hội chủ nghĩa, hướng con người tới những giá trị chân, thiện, mỹ. Đạo đức Việt Nam luôn luôn vươn tới lý tưởng chân, thiện, mỹ lấy chữ “*nhân*” làm trọng, rồi mới đến trí, dũng do vậy có thể nói văn hóa Việt Nam là văn hóa nhân nghĩa, thủy chung, luôn hướng tới chân, thiện, mỹ.

Ba là, trong thời kỳ CNH, HĐH và trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chính sách văn hóa được hướng vào xây dựng con người Việt nam có tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, có ý thức tự cường dân tộc, trách nhiệm cao trong lao động, có lương tâm nghề nghiệp, có tác phong công nghiệp. Điều đó có nghĩa là Đảng ta tiếp tục khẳng định cần xây dựng con người Việt Nam với những đức tính tốt đẹp mà Nghị quyết Trung ương lần thứ V (khóa VIII) đã nêu ra, nhưng có nhấn mạnh những điểm cốt lõi của từng đức tính. Nói cách khác, trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước, việc xây dựng con người cần tập trung những đức tính chủ yếu nhất.

Trên cơ sở những quan điểm của Đảng, tại Đại hội IX Đảng ta đã phân tích những động lực cơ bản để đẩy nhanh sự CNH, HĐH đi đến thắng lợi: thứ nhất, “*Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp CNH, HĐH, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người – yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững*” [28, tr. 108 -109].; thứ hai, “*phát triển khoa học và công nghệ cùng phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực thúc đẩy CNH, HĐH đất nước*” [21, tr. 112]. Đại hội xác định bên cạnh việc

đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH đất nước cần phải từng bước phát triển kinh tế tri thức

Quan điểm này tiếp tục phát triển ở Đại hội X, Đảng ta xác định *“phải coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và CNH, HĐH; phát triển mạnh các ngành và các sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa vào tri thức”* [24, tr. 28-29]

Ở Đại hội XI, Đảng ta tiếp tục khẳng định việc phát triển kinh tế tri thức gắn với quá trình CNH, HĐH ở nước ta hiện nay là một xu thế tất yếu, để phát triển kinh tế tri thức Đảng ta xác định việc phát triển nguồn nhân lực được đặt lên hàng đầu và đóng vai trò quyết định. Đảng ta xác định để đẩy mạnh phát triển kinh tế tri thức phải gắn với phát triển giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và khoa học công nghệ: *“phát triển kinh tế tri thức trên cơ sở phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng khoa học, công nghệ, trước hết là công nghệ thông tin truyền thông, công nghệ tự động, nâng cao năng lực nghiên cứu ứng dụng với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao”* [25, tr. 220]. Ở Đại hội lần thứ XI, Đảng ta không chỉ đặt vấn đề tiếp tục phát triển nguồn nhân lực nói chung mà còn nhấn mạnh đến việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Cương lĩnh xây dựng đất nước (bổ sung phát triển năm 2011) xác định *“con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển, tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân”*

Như vậy, trong điều kiện nước ta hiện nay, để chiến lược phát triển theo hướng CNH, HĐH đi đến thắng lợi, Đảng ta luôn coi nguồn lực con người – nguồn lực quan trọng nhất trong các nguồn lực, nguồn lực nội sinh – làm động lực cho sự phát triển lâu bền. Nói cách khác, con người là chủ thể của quá trình CNH, HĐH là chủ thể của quá trình biến đổi xã hội. Trong điều

kiện nền kinh tế thị trường con người không chỉ nhận được sự tác động tích cực, mà cả những tác động tiêu cực của nó. Trước con người không chỉ có những thời cơ và những triển vọng tươi sáng, mà còn cả những nguy cơ, thậm chí cả những tai họa. Vì vậy con người phải đối mặt với nó, bằng khả năng của mình với vai trò làm chủ con người tìm cách khắc phục những hậu trên. Chính vì thế Đảng ta coi việc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người là một chiến lược – chiến lược vì con người vì hạnh phúc của nhân dân.

Để bồi dưỡng và phát huy nhân tố (nguồn lực) con người Việt Nam với tư cách là động lực thúc đẩy quá trình CNH, HĐH; Đảng ta luôn tạo ra mối quan hệ hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế nhanh với tiến bộ xã hội, đảm bảo công bằng xã hội, thiết lập sự bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi công dân, cải thiện và nâng cao đời sống cho người lao động cả về vật chất lẫn tinh thần; giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa lợi ích trước mắt, lợi ích quốc gia, dân tộc và lợi ích tập thể, lợi ích cá nhân; không ngừng nâng cao trình độ học vấn, văn hóa của họ trên cơ sở xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nếu CNH, HĐH là sự phát triển con người Việt Nam toàn diện thì con người phải được coi là giá trị tối cao và tự mục đích của sự nghiệp đầy khoa học, phức tạp nhưng tất yếu đó.

CHƯƠNG 3
THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP
PHÁT HUY NHÂN TỐ CON NGƯỜI TRONG THỜI KỲ
CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

3.1 THỰC TRẠNG VIỆC PHÁT HUY NHÂN TỐ CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI.

Nước ta hiện nay dân số khoảng 90 triệu người, xếp 14 toàn thế giới, cơ cấu lao động trẻ (16-35 tuổi) chiếm 65%, có truyền thống lao động cần cù, sáng tạo và ý chí vượt khó, cầu tiến. Hằng năm, số người đến tuổi lao động khoảng 1,2 triệu người (mức tăng gần 3% năm) vừa tạo nên tiềm năng lớn về lực lượng lao động, vừa gây nên sức ép gay gắt về việc làm.

Những năm qua, bên cạnh những thành tựu, tiến độ đạt được về giảm mức sinh, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, thực hiện chính sách với người và gia đình có công, chính sách an sinh xã hội đạt kết quả tích cực (trong năm năm 2006-2010 đã giải quyết việc làm cho trên 8 triệu lao động, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị giảm còn 4,5%, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 9,5%), thì việc nâng cao thể chất và cải thiện môi trường, điều kiện làm việc cho người lao động thì hiện vẫn còn nhiều hạn chế, khó khăn bức xúc cần giải quyết. Thời gian lao động nông nghiệp mới đạt khoảng 70% số ngày lao động trong năm, một số lượng lớn thanh niên nông thôn (nhất là trong thời kỳ nông nhàn) tràn ra thành thị tìm kiếm việc làm, gây nên sự biến động phức tạp, thậm chí rối loạn về thị trường sức lao động, an ninh xã hội, môi trường văn hóa, giao thông, y tế, cảnh quan đô thị và cả các tệ nạn xã hội.

Chất lượng lao động thấp, hiện còn khoảng 60% lao động chưa qua đào tạo, trong đó một bộ phận đáng kể lao động trẻ chưa qua dạy nghề hoặc đã được đào tạo thì vẫn còn hạn chế về kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp

Cơ cấu trình độ chuyên môn kỹ thuật bất hợp lý nghiêm trọng: tỷ lệ đã qua đào tạo giữa đại học, cao đẳng- trung học chuyên nghiệp- công nhân kỹ thuật là 1-1,6-3-6, trong khi tỷ lệ phổ biến ở các nước trên thế giới là 1-4-10; chương trình, kiến thức được đào tạo nặng về lý thuyết, lạc hậu, thiếu cập nhật thông tin, công nghệ mới. Nền kinh tế thừa lao động giản đơn, nhưng lại thiếu lao động có trình độ, tay nghề.

Bộ phận ưu tú của lực lượng trẻ nước ta có tiềm năng trí tuệ khá cao, có tầm nhìn rộng, năng động, sáng tạo và khá nhạy bén trong cuộc sống, có khát vọng vươn lên, không chịu đói nghèo, lạc hậu, dám nghĩ, dám làm; đặc biệt là trong việc tiếp thu khoa học và công nghệ hiện đại và ngành nghề mới, đã đóng góp thành công cho nhiều công trình lớn có yêu cầu kỹ thuật cao.

Tuy nhiên, lực lượng lao động này chưa được quan tâm đúng mức. Sự phân bố lực lượng lao động có trình độ đại học cũng chưa hợp lý, đang xảy ra hiện tượng thừa, thiếu giả tạo. Qua điều tra ở 55 trường đại học, cao đẳng có khoảng 14 ngàn sinh viên ra trường chưa có việc làm, trong khi nhiều vùng, nhiều miền, nhất là miền núi, vùng sâu, vùng xa lại thiếu cán bộ khoa học kỹ thuật. Nguyên nhân chủ yếu là, một mặt do sinh viên ra trường muốn ở lại công tác tại thành phố, khu công nghiệp, nơi kinh tế phát triển có điều kiện thu nhập cao hơn và điều kiện việc làm tốt hơn; mặt khác, chúng ta chưa có chính sách thu hút để điều chỉnh sự phân bố này. Trong khi đó, một số công ty nước ngoài, văn phòng đại diện, công ty liên doanh chỉ cần trả lương cao, tuy lao động vất vả và không đúng ngành nghề đào tạo nhưng đã thu hút được không ít sinh viên ra trường, kể cả các sinh viên tốt nghiệp loại Giỏi vào làm việc. Hơn nữa, có một bộ phận lớp trẻ ngày nay dường như “*đứng bên lề*” công cuộc phát triển của đất nước.

Thêm vào đó là đội ngũ trí thức, cán bộ khoa học còn nhiều hạn chế và bất cập trước yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ cách mạng: về số lượng,

cơ cấu, năng lực hoạt động lý luận và thực tiễn. Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã nhận xét *“Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ vẫn còn thiếu, bất hợp lý về cơ cấu ngành nghề và phân bố. Năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ phát triển chậm, nhiều mặt còn thấp so với nhiều nước trong khu vực”*.

Yếu tố cơ bản nhất quyết định sự phát triển nguồn nhân lực về chất là giáo dục - đào tạo. Thực hiện nghị quyết Trung ương hai khóa VIII về giáo dục và đào tạo (tháng 12-1996) chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam đã có bước chuyển biến tích cực, 61 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cả nước đã đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập tiểu học, trong đó có 10 tỉnh được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Hệ thống các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề (cả công lập và ngoài công lập), nhất là đào tạo sau đại học có bước phát triển khá. Quy mô giáo dục tiếp tục được phát triển, đến năm 2010, tất cả tỉnh, thành phố đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Trong giai đoạn 2001 - 2010, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học tăng nhanh, trong đó mẫu giáo 5 tuổi tăng từ 72% lên 98%; tiểu học từ 94% lên 97%; trung học cơ sở từ 70% lên 83%; trung học phổ thông từ 33% lên 50%; quy mô đào tạo nghề tăng 3,08 lần, trung cấp chuyên nghiệp tăng 2,69 lần; quy mô giáo dục đại học tăng 2,35 lần. Năm 2010, số sinh viên cao đẳng và đại học trên một vạn dân đạt 227; tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 40%, bước đầu đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động.

Tuy nhiên, so với yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế thì chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục và đào tạo của nước ta còn nhiều yếu kém, bất cập, thể hiện ở chỗ:

Đầu tư cho giáo dục- đào tạo tăng từ 11% tổng chi ngân sách năm 1996 lên hơn 20% năm 2011 là một sự quan tâm, cố gắng của Nhà nước, song

trong những năm đó, số lượng học sinh mầm non, trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và cao đẳng, đại học cũng tăng lên. Do vậy, chi ngân sách Nhà nước đáp ứng được 70% nhu cầu tối thiểu của ngành giáo dục; trong đó trả lương giáo viên đã chiếm 90%, trang thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ giảng dạy và học tập đáp ứng khoảng 20% yêu cầu.

- Chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng đạo đức và lối sống cho sinh viên còn nhiều yếu kém. Hiện tượng ít quan tâm đến các vấn đề chính trị chuyên môn đơn thuần trong sinh viên có chiều hướng tăng. Cơ cấu chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy đại học quá nặng về lý thuyết diễn giải, áp đặt một chiều, thiếu cập nhật thông tin, xã rời yêu cầu thực tiễn, nên chất lượng và hiệu quả thấp.

Đội ngũ giảng viên đại học, cao đẳng của hệt hẳng cả về số lượng và chất lượng. Ở nhiều trường đại học, nhất là đại học dân lập các lớp tại chức thường xuyên có giảng viên lên lớp tại hội trường có trên 200 sinh viên (so với chỉ tiêu chuẩn 1 giảng viên 30 sinh viên) nên không thể đảm bảo chất lượng đào tạo. Hơn nữa, trình độ giảng viên đại học của nước ta hiện nay còn không ít có tình trạng “*com chấm com*”, tỷ lệ có trình độ sau đại học thuộc các chuyên ngành mới đạt 10-30%. Thời gian giảng viên lên lớp (trong trường và ngoài trường) quá nhiều, không có thời gian và sức lực dành cho nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ. Một số giảng viên thiếu say mê, tâm huyết với nghề nhất là trước tác động của cơ chế thị trường, khi đồng lương giảng viên còn hạn chế.

Công tác quản lý giáo dục còn nhiều bất cập, vừa lúng túng, vừa buông lỏng. Tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan mang nặng tính thương mại- vụ lợi chưa được chấn chỉnh. Chất lượng đào tạo ở các trường ngoài công lập, ở các lớp tại chức liên kết mở tại các địa phương gần như bị thả nổi, dẫn đến tình trạng “*học giả, bằng thật*”, ngày càng trầm trọng; trong đó, không ít

những tiêu cực “*mua bằng, bán điểm*”, gây ảnh hưởng xấu đến ngành giáo dục và thanh danh nhà giáo.

Những số liệu, dẫn chứng trên về chất lượng giáo dục, đào tạo cho thấy. Mặc dù có những bước phát triển theo xu hướng đi lên nhưng nhìn chung mặt bằng dân trí ở nước ta, chất lượng lao động về mặt trí tuệ, chất lượng đội ngũ trí thức ở nước ta nhìn chung còn thấp. Chúng ta không thể tiến hành CNH, HĐH đất nước với những con người có học vấn thấp được. Bởi vì, trong thời đại ngày nay “*tri thức là sức mạnh, tri thức là giàu có*”.

Ngoài ra, chúng tôi còn muốn đề cập đến vấn đề môi trường tâm lý xã hội, bởi vì nó giữ vai trò định hướng giá trị xã hội, vừa đảm bảo lợi ích của người lao động vừa đảm bảo lợi ích của cộng đồng, của đất nước theo hướng đảm bảo công bằng xã hội, tạo ra động lực mạnh mẽ phát triển đất nước.

Một số công trình nghiên cứu cho thấy: trong mấy năm đổi mới, tính cách của con người chúng ta nói chung có nhiều nét chuyển biến tích cực, tâm lý an phận thời bao cấp đã chuyển sang tâm lý tự lo toan, biết tính toán hiệu quả, nhất là hiệu quả kinh tế; từ đó con người ngày càng trở nên năng động, nhạy bén hơn, một phong trào học tập, lao động sôi nổi bắt đầu dấy lên, một số tỏ ra xấu hổ với tình trạng nghèo nàn, lạc hậu. Từ khi đi vào đổi mới đến nay, những kết quả thực tế mang lại, nhân dân ta đã tin tưởng hơn vào Đảng, vào sự nghiệp xây dựng đất nước. Tuy nhiên, trước đòi hỏi đổi mới, niềm tin ấy phải được nhân lên bội phần. Trong thực tế hiện nay, còn nhiều yếu tố tác động xấu đến niềm tin của nhân dân.

Việc chăm sóc tới lợi ích thiết thực của nhân dân. Chúng ta đều hiểu rằng lợi ích là động lực trực tiếp nhất và mạnh mẽ nhất thôi thúc con người hành động. Rất nhiều năm trước đổi mới, tư tưởng này chưa quán triệt sâu sắc từ Đại hội VI, vấn đề lợi ích, đặc biệt là lợi ích cá nhân của người sản xuất, kinh doanh đã được Đảng ta hết sức quan tâm. Các văn kiện Đại hội VI, VII,

VIII, IX, X, XI đã không ngừng đề cao sự quan tâm lợi ích người lao động, mà coi lợi ích cá nhân người lao động, tập thể, xã hội gắn bó với nhau, trong đó lợi ích của cá nhân là động lực trực tiếp. Tư tưởng đó của Đảng ta đã được thực hiện tốt trong thực tiễn hơn 20 năm đổi mới. Chính vì vậy, nó đã khơi dậy nhiệt tình, tài năng sáng tạo của nhân dân ta trong sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, vẫn còn rất nhiều mặt phải tiếp tục giải quyết như các chính sách tiền lương, thuế, đền bù giải tỏa, các chính sách đền ơn đáp nghĩa...những sai lầm, khuyết điểm trong việc giải quyết các chính sách này sẽ ảnh hưởng tới niềm tin của nhân dân, tạo ra bất cập trong việc phát huy nhân tố con người mà chúng tôi đã nêu trên.

Tiếp đến là vấn đề dân chủ. Chỉ sống trong bầu không khí dân chủ, con người mới cảm thấy được tự do và tự do là cội nguồn của sáng tạo. Thành quả của dân chủ mà chúng ta thấy được là rất lớn. Song theo đánh giá của Ban chấp hành Trung ương ngày 18/12/1998 thì: “ *nhìn chung, quyền làm chủ của nhân dân còn bị vi phạm ở nhiều nơi, trên mọi lĩnh vực, tề quan liêu, mệnh lệnh, của quyền, tham nhũng, gây phiền hà cho nhân dân vẫn đang phổ biến và trầm trọng mà chúng ta chưa ngăn chặn và đẩy lùi được. Phương châm: “ dân biết, dân bàn, dân kiểm tra” chưa được cụ thể hóa và thể chế hóa thành pháp luật, chậm đi vào cuộc sống*”. Một khi quyền làm chủ của nhân dân còn bị vi phạm thì dân chủ còn bị hạn chế. Hạn chế dân chủ là hạn chế sự tự do sáng tạo, một bất cập rất lớn đối với sự nghiệp CNH, HĐH đất nước mà chúng ta phải giải quyết.

Một vấn đề nữa gây ảnh hưởng xấu đến phẩm chất chính trị, niềm tin của nhân dân là nạn tham nhũng. Đảng ta xác định đây là một quốc nạn. Thế nhưng sau nhiều năm chống tham nhũng, Đảng ta thẳng thắn thừa nhận: “*Nạn tham nhũng, buôn lậu, lãng phí của công chưa ngăn chặn được, tiêu cực trong bộ máy Nhà Nước, Đảng, đoàn thể, trong các doanh nghiệp nhà nước*

nhất là trên các lĩnh vực nhà đất, xây dựng cơ bản, hợp tác đầu tư, thuế, xuất nhập khẩu và cả hoạt động của nhiều cơ quan thi hành pháp luật...nghiêm trọng kéo dài". Nếu không nhanh chóng loại trừ hoặc hạn chế tối đa quốc nạn này thì bất cập sẽ ngày càng to lớn hơn.

Bên cạnh đó, khi chúng ta đi vào quá trình CNH, HĐH đất nước thì khả năng thích nghi của người dân được tăng nhanh, nhưng chủ yếu mới ở mức độ thích nghi đối phó, giải quyết các yêu cầu trước mắt, đáp ứng các nhu cầu nhất thời, nên vẫn chịu ảnh hưởng sâu đậm của tâm lý “ ăn sổi, ở thì”, sản xuất tiểu nông ít tính toán làm ăn lớn. Tư duy còn nặng nề về kinh nghiệm chủ nghĩa, tuy có khả năng học hỏi nhanh, tiếp thu trí thức, kinh nghiệm của nước ngoài, nhưng nhiều khi một số người có tâm lý tự ti, dễ rơi vào chiều hướng thích lai căng, sùng ngoại. Thêm vào đó hoàn cảnh chiến tranh ác liệt kéo dài, tình hình quốc tế phức tạp... cùng là nhân tố hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp, ở những mức độ khác nhau, ảnh hưởng đến việc phát triển nhân tố con người khi bước vào quá trình CNH, HĐH ở nước ta.

Như vậy, công cuộc đổi mới bắt đầu bằng đổi mới tư duy kéo theo đổi mới trong quan niệm về con người. Sự đổi mới đất nước từ nền kinh tế bao cấp chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần, mở cửa theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã tạo nên rất nhiều thay đổi trong xã hội. Điều này tác động sâu đến con người, nhưng nhu cầu, lợi ích cần đáp ứng của con người ngày càng cao hơn: nhu cầu học tập, trau dồi tri thức, hiểu biết và đồng thời quá trình đổi mới đất nước theo hướng đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước đòi hỏi ở con người những phẩm chất và năng lực cao hơn để đáp ứng yêu cầu của CNH, HĐH. Tuy nhiên, hiện trạng cũng như những bất cập trong nhân tố con người Việt Nam đang là một lực cản lớn, đòi hỏi Đảng, Nhà nước và các cơ quan đoàn thể phải có sự giải quyết

đồng bộ, có hiệu quả để con người Việt Nam trong thời đại mới ngày càng được phát huy cao độ.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM PHÁT HUY NHÂN TỐ CON NGƯỜI TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

Thực chất vấn đề phát huy vai trò nhân tố con người trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa là tìm ra những động lực mang tính quy luật của quá trình này. Do đó, chúng tôi tập trung phân tích những giải pháp sau:

- Thứ nhất: Đẩy mạnh phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Giáo dục và đào tạo có tầm quan trọng đặc biệt ở chỗ nó chuẩn bị con người cho sự nghiệp CNH, HDH, góp phần giải phóng các tiềm năng của con người. Do đó, giáo dục và đào tạo là thiết kế hạ tầng xã hội, là tiền đề của CNH, HDH.

Về bản chất chức năng của giáo dục và đào tạo là chuẩn bị cho tương lai bằng cách đào tạo, bồi dưỡng từ hôm nay những năng lực, phẩm chất mà con người cần phải có trong tương lai. Trong thời đại ngày nay, vai trò của trí tuệ quyết định sự sáng tạo và phát triển. Trí tuệ và khả năng nhận thức bản chất của con người đạt đến trình độ hiểu biết có hệ thống và sâu sắc bản chất, quy luật của tự nhiên và xã hội; là khả năng nắm bắt và sử lý đúng đắn các tình huống nảy sinh trong cuộc sống; là điều kiện đảm bảo cho hoạt động của con người đạt hiệu quả cao; là điều kiện bên trong để củng cố và hoàn thiện các phẩm chất đạo đức của con người, trên cơ sở hiểu biết các quy tắc, chuẩn mực đạo đức, các giá trị xã hội nhằm định hướng tích cực cho việc hoàn thiện nhân cách con người mới, chi sự thống nhất giữa chân lý và đạo lý, từ đó mà có các năng lực tổ chức các hoạt động cá nhân phù hợp với lương tri, phẩm giá con người. Vì thế đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển lợi ích. Đầu

tư cho giáo dục có tác dụng như là đầu tư cho phương tiện sản xuất đặc biệt, nhằm sản xuất ra sản phẩm không phải tiêu dùng ngay, mà để tạo ra tiềm năng cho tương lai.

Trong cấu trúc chung của hệ thống xã hội, giáo dục và đào tạo gắn chặt với văn hóa, phát triển trên nền tảng văn hóa, bằng lực lượng và tiềm năng văn hóa. Ngược lại, nền tảng văn hóa lại phụ thuộc vào việc phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Con người Việt Nam thời kỳ CNH, HĐH là sản phẩm kết hợp của nền văn hóa dân tộc và văn minh nhân loại. Giáo dục và đào tạo phải thực sự trở thành “quốc sách hàng đầu”, được hiểu: giáo dục được coi là đòn bẩy, động lực thúc đẩy toàn bộ nền kinh tế-xã hội phát triển. Giáo dục và đào tạo phải đi trước một bước so với kinh tế. Mục tiêu của giáo dục và đào tạo phải được ưu tiên nhất trong các mục tiêu chiến lược, chính sách về giáo dục và đào tạo phải được cụ thể hóa thành luật pháp. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cơ bản, có hiệu quả nhất, đầu tư này phải đủ lớn và có trọng điểm, phải được ưu tiên và có tỷ lệ cao trong chi ngân sách. Có như vậy, giáo dục và đào tạo mới đáp ứng được các nhu cầu phát triển nguồn nhân lực cho CNH, HĐH nhanh chóng khắc phục những bất công, yếu kém hiện nay.

Trong đẩy mạnh giáo dục và đào tạo, để tránh những mâu thuẫn, mất cân đối cần tập trung vào những nhiệm vụ sau:

+ *Một là*: giải quyết tốt mối quan hệ giữa đào tạo, sử dụng và việc làm trong vấn đề phát triển nguồn nhân lực.

Thực tiễn trong những năm qua cho thấy, trong quá trình vận hành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, một vấn đề nổi lên hết sức gay gắt là mâu thuẫn giữa đào tạo, sử dụng và việc làm. Vấn đề đào tạo, sử dụng và việc làm không giống như trong

nền kinh tế kế hoạch hóa trước kia, ngày nay đã có sự chi phối quyết định của quy luật cung - cầu, quy luật giá trị, cạnh tranh....

Thực trạng nêu trên có nguyên nhân từ những thay đổi của nền kinh tế. Những bất cập về nội dung, phương pháp, cơ cấu, tỷ lệ phân bố của ngành giáo dục và đào tạo chưa thể khắc phục được. Nó cho thấy vai trò của nhà nước có ý nghĩa quyết định đến việc quản lý điều tiết vĩ mô giữa thị trường lao động, việc làm với quy hoạch đào tạo, sử dụng đội ngũ nhân lực. Nhà nước phải quản lý vĩ mô, chi đạo toàn diện, đồng bộ thị trường lao động theo những nguyên tắc mà đến nay chưa thực hiện được.

+ *Hai là*: CNH, HĐH ở nước ta phải vận dụng các yếu tố của nền kinh tế tri thức, thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ: chuyển từ nền kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp và từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức. Muốn vậy, phải gấp rút, tích cực từng bước nâng cao dân trí để nâng cao chất lượng nhân tố con người. Bởi vì, xét cho cùng, sức mạnh con người Việt Nam là dựa trên nền tảng sức mạnh dân trí.

Nâng cao dân trí là một quá trình xác lập những mức độ về chất của tri thức con người tích lũy được qua giáo dục và đào tạo. Ở nước ta hiện nay, nâng cao dân trí bao gồm: nâng cao trình độ phổ thông; nâng thêm thời gian đi học; “xóa mù” về nghề nghiệp, ngoại ngữ, tin học, tập trung vào xóa mù chữ, kiện, coi trọng giáo dục gia đình... nâng cao dân trí còn nhằm xác lập những giá trị, trong đó giá trị về con người trí tuệ, sáng tạo, nhân văn là các giá trị cơ bản nhất. Con người không chỉ có chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp tốt, mà còn là con người năng động, tự chủ, giàu lòng nhân ái, có lý tưởng, niềm tin, lao động có năng suất cao và hòa nhập cộng đồng. Mặt bằng dân trí cao đáp ứng được nhu cầu phân công lao động xã hội, nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, đảm bảo quốc phòng, an ninh vững mạnh, đời sống vật chất, tinh thần ngày càng phong phú

Đây là một chiến lược mang tính cấp bách và lâu dài. Trước hết phải đẩy mạnh tốc độ nâng cao dân trí; điều chỉnh cho phù hợp về chính sách, biện pháp, mục tiêu chương trình xóa mù chữ và phổ cập tiểu học, trung cấp cơ sở; kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục phổ thông và giáo dục kỹ thuật, nghề nghiệp; hoàn chỉnh mạng lưới giáo dục và cơ cấu đào tạo để thực hiện chế độ học tập thường xuyên, suốt đời cho mọi người; chính sách ưu tiên với đồng bào dân tộc, vùng có nhiều khó khăn, đối tượng chính sách xã hội; coi trọng chính sách phát hiện, đào tạo và sử dụng nhân tài; xây dựng phong trào học tập rộng khắp, lâu dài, có hiệu quả đối với mọi tầng lớp nhân dân.

+ *Ba là*: phát triển nguồn nhân lực hợp lý cho phép có thể vận hành được nền kinh tế hiện tại, có khả năng cạnh tranh cao.

Cơ cấu kinh tế - xã hội quyết định cơ cấu giáo dục và đào tạo, ngược lại nếu chủ động tạo ra một cơ cấu lao động hợp lý sẽ tạo ra những động lực lớn cho sự phát triển. Kinh nghiệm của các nước cho thấy, chỉ có lao động đông và rẻ thì không thể tiến hành thắng lợi CNH, HĐH phải có chính sách phát triển nguồn nhân lực hợp lý, càng sớm thì tốc độ tăng trưởng kinh tế càng cao. Cơ cấu lao động hợp lý là một cơ cấu có: tỷ lệ chuyên gia - kỹ sư - công nhân kỹ thuật; tỷ lệ nhà quản lý, lãnh đạo - cán bộ, chuyên gia- đội ngũ lao động phù hợp; sự cân đối giữa cơ cấu vùng, cơ cấu xã hội, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ...của lực lượng lao động. Cơ cấu lao động hợp lý vừa là nguyên nhân, vừa là kết quả của nền kinh tế năng động và cạnh tranh. Do đó, giáo dục và đào tạo thật sự trở thành vũ khí lợi hại để tạo ra những cơ hội có việc làm, là tác nhân đặc biệt cho sự phát triển nhanh và bền vững.

Để đạt được mục tiêu đó, trước mắt cần tập trung vào: xây dựng chiến lược tổng thể để phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông, phát triển mạnh giáo dục chuyên nghiệp, đặc biệt là dạy nghề. Đây được coi là một khâu đột phá khá quan trọng nhằm tháo gỡ nhiều vấn đề bức

xúc hiện nay về tâm lý, sự quá tải ở các cấp học trẻ, vấn đề thiếu hụt trầm trọng đội ngũ công nhân kỹ thuật, giải quyết việc làm. Tiết kiệm ngân sách nhà nước và chi dùng của nhân dân.

Coi trọng công tác bồi dưỡng, đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công chức, công nhân kỹ thuật thuật hiện có, nâng dần tỷ lệ lực lượng lao động qua đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động. Đầu tư thích đáng cho việc đào tạo nhân tài, xây dựng một số trường trọng điểm, một số ngành công nghiệp mũi nhọn như: công nghiệp phần mềm, sinh học... nhằm khắc phục sự thiếu hụt lực lượng lao động có trình độ cao về công nghệ, quản lý, kinh doanh, góp phần đẩy mạnh quá trình “đi tắt, đón đầu”, chủ động hội nhập để phát triển.

+ *Bốn là*: coi trọng cả ba mặt: mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả nhằm tạo chuyển biến cơ bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu về con người cho phát triển.

Đây là trách nhiệm của Đảng, nhà nước, xã hội và ngành giáo dục và đào tạo nhằm vào mục tiêu con người: dạy chữ, dạy nghề và dạy người. Để giải quyết mâu thuẫn giữa thực trạng giáo dục và đào tạo với yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài để đẩy mạnh CNH, HĐH, hội nhập quốc tế, cần giải quyết một số vấn đề quan trọng sau:

+ + Tập trung tháo gỡ những yếu kém, tiêu cực, cùng cố và mở rộng hệ thống giáo dục quốc dân, đa dạng hóa các hình thức học tập, khắc phục sự bất bình đẳng và thương mại hóa giáo dục.

+ + Đối với chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy theo hướng hiện đại hóa và tiêu chuẩn hóa. Loại bỏ những chương trình, nội dung không thiết thực, bổ sung những nội dung mới đảm bảo kiến thức cơ bản, cơ sở, cập nhật, kỹ năng sống và hành nghề, khả năng thực hành, ứng dụng, tiến tới hòa nhập với chương trình giáo dục và đào tạo của các nước khu vực và

thế giới. Nội dung phải toàn vẹn: chuyên môn, chính trị, đạo đức, thể lực. Chú ý xây dựng lý tưởng, niềm tin đối với chủ nghĩa xã hội; coi trọng đạo đức cách mạng; sát với thực tiễn đất nước; chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, có thái độ đúng và tình cảm đẹp, cái nhìn lạc quan, tôn trọng dân chủ và tự do sáng tạo.

++ Đẩy mạnh quá trình xã hội hóa nền giáo dục quốc dân là một trong những con đường cơ bản phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, để giải quyết vấn đề chủ yếu nhất hiện nay là yêu cầu phát triển rất cao mà nguồn nhân lực đáp ứng cho giáo dục và đào tạo lại quá thấp. Đó là cơ sở vật chất phục vụ dạy và học đã cũ, lạc hậu, thiếu thốn; ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo lại quá thấp, dàn trải chưa hợp lý, kém hiệu quả; các nguồn nhân lực huy động trong nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp còn hạn chế.

- Thứ hai: Đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính sách xã hội.

Các vấn đề xã hội có nội dung rất rộng và bao giờ cũng gắn bó với con người. Vì vậy, chính sách xã hội là một hệ thống chính sách về xã hội bao quát hầu hết các lĩnh vực của đời sống con người: sinh đẻ, nuôi dưỡng, học hành, đi lại, chữa bệnh, giải trí, việc làm, thu nhập, quan hệ gia đình và quan hệ xã hội, quan hệ tộc người, tôn giáo... Chính sách xã hội là sự cụ thể hóa bằng pháp luật những đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, phản ánh bản chất chế độ chính trị và lợi ích của cộng đồng dân cư. Do đó, chính sách xã hội là một công cụ quan trọng nhằm thực hiện và điều chỉnh các mối quan hệ xã hội của con người, phát huy vai trò nhân tốt con người trong sự nghiệp CNH, HĐH. Chính sách xã hội là một bộ phận hợp thành chiến lược kinh tế và phát triển con người. Muốn phát triển kinh tế nhanh và bền vững thì phải lấy việc giải quyết các vấn đề xã hội của con người là mục tiêu, đến lượt nó, các vấn đề xã hội của con người lại là động lực cho sự phát triển kinh tế.

Những năm qua tuy nền kinh tế nước ta có sự tăng trưởng cao và biện pháp liên tục cho phép giải quyết vấn đề xã hội nhưng đối với một nước kinh tế chậm phát triển, cơ cấu xã hội chưa hợp lý, quản lý xã hội chưa khoa học....thêm vào đó là nạn tham ô, tham nhũng, tiêu cực trong bộ máy Đảng và Nhà nước làm giảm hiệu quả thực hành chính sách xã hội, nó cho thấy yêu cầu cấp bách không ngừng đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính sách xã hội, theo một số giải pháp sau:

+ *Một là*: Giải quyết tốt mối quan hệ giữa chính sách xã hội với cơ cấu xã hội, quản lý xã hội và các chính sách kinh tế, văn hóa.

Chính sách xã hội phải gắn với cơ cấu xã hội, phản ánh được những nhu cầu, lợi ích của các giai cấp, các tầng lớp, cộng đồng dân tộc, tôn giáo....tạo “sân chơi bình đẳng” về kinh tế, pháp luật, văn hóa.....cho các thành phần kinh tế; sự bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi cho từng đối tượng cụ thể, trên cơ sở đó mới tạo sức mạnh tổng hợp, động lực tổng hợp cho sự nghiệp CNH, HĐH.

Chính sách xã hội, phải thể hiện nhuần nhuyễn trong quản lý xã hội. Đó là sự tác động có mục đích, có phương pháp, bằng đường lối, chính sách pháp luật vào hệ thống tổ chức xã hội, vào mỗi cá nhân trên cơ sở nhận thức và vận dụng những quy luật xã hội khách quan. Chính sách xã hội phải được thể hiện trong chính sách kinh tế, văn hóa, gắn liền với tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội. Thực hiện đan xen các chương trình kinh tế, văn hóa với chính sách xã hội nhằm tạo được động lực mạnh mẽ cho sự phát triển và hiệu quả thiết thực.

+ *Hai là*: Kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội.

Công bằng xã hội là tâm điểm của chính sách xã hội, là một tiêu chí quan trọng phản ánh bản chất chế độ xã hội. Công bằng xã hội là một phạm trù tong chủ nghĩa xã hội mới tạo ra những điều kiện cho công bằng xã hội

được với nhau nhưng không hoàn toàn đồng nhất. Bình đẳng xã hội là nói đến sự bang bằng nhau giữa người với người về một vài phương diện nào đó: kinh tế, chính trị, văn hóa... còn công bằng xã hội là nói đến sự ngang bằng nhau giữa người với người về một quan hệ xác định: giữa quyền lợi và nghĩa vụ, cống hiến và hưởng thụ.

Như vậy, trong điều kiện chủ nghĩa xã hội có thể thực hiện được công bằng xã hội không được hiểu là “cào bằng” theo chủ nghĩa bình quân hay bình đẳng xã hội theo nghĩa tuyệt đối.

Ở nước ta hiện nay, công bằng xã hội được hiểu là: phân phối theo lao động, theo vốn góp, theo cống hiến cho xã hội, phân phối thông qua phúc lợi xã hội được điều tiết vĩ mô hợp lý; bảo vệ quyền lợi người lao động, đặc biệt là đối tượng chính sách xã hội, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, về mức sống giữa các vùng, các tộc người, tầng lớp dân cư, mở rộng khả năng lựa chọn các cơ hội cho mọi người và hưởng thụ những thành quả của sự phát triển.

Thực hiện công bằng xã hội là một đòi hỏi tất yếu khách quan ở nước ta hiện nay để phát huy cao độ sức mạnh vật chất, tinh thần của mọi người cho sự nghiệp CNH, HĐH. Muốn vậy, cần phải chú trọng khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với loại trừ làm giàu bất hợp pháp; điều tiết thu nhập giữa các tầng lớp dân cư bằng thuế thu nhập, đãi ngộ người có công về học hành, chữa bệnh, nhà ở, việc làm, thực hiện trợ cấp xã hội đối với những người cần được bảo vệ, bởi hệ thống chính sách xã hội trước tác động của kinh tế thị trường; đổi mới hệ thống cơ chế, chính sách đảm bảo mọi người tiếp cận được nguồn lực về tín dụng, y tế, giáo dục, đất đai... có cơ hội hòa nhập và phát triển.

+ *Ba là*: Thực hiện chủ trương các vấn đề chính sách xã hội đều được giải quyết theo tinh thần xã hội hóa.

Trong việc giải quyết các vấn đề xã hội, nhà nước đóng vai trò nòng cốt, đồng thời động viên mỗi người dân mỗi doanh nghiệp, các tổ chức xã hội cùng tham gia. Các chính sách xã hội được biểu hiện :

++ Đảm bảo công ăn việc làm cho người dân là một mục tiêu, không để thất nghiệp trở thành căn bệnh kinh niên. Nhà nước phải chú trọng đầu tư tạo việc làm, đồng thời, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế và người lao động tạo thêm chỗ việc làm, khuyến khích các tổ chức và các nhân cùng nhà nước tổ chức tốt dịch vụ giới thiệu việc làm, đào tạo nghề nghiệp trong việc tạo ra việc làm hợp lý và có hiệu quả, phù hợp với cơ chế chung của nền kinh tế, chính sách tuyển dụng và sử dụng lao động ở nước ta hiện nay phải thực sự gắn với cơ chế thị trường có sự quản lý, hướng dẫn của Nhà nước. Chính sách này cho phép phát huy triệt để tiềm năng và sức sáng tạo của người lao động, tạo ra điều kiện và môi trường thuận lợi để người lao động tự do lựa chọn việc làm và cống hiến khả năng bản thân. Ngoài ra, cần thực hiện cơ chế quản lý lao động thống nhất trên phạm vi toàn nền kinh tế quốc dân. Nghĩa là, phải có chính sách tuyển dụng lao động chung cho mọi thành phần kinh tế, mọi doanh nghiệp, không phân biệt hình thức sở hữu tư liệu sản xuất nhằm đảm bảo quyền dân chủ, bình đẳng trước pháp luật của các doanh nghiệp trên lĩnh vực này.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây hiện tượng “mất chất xám”, “chảy chất xám tại chỗ” được nói tới nhiều. Đó là tình trạng lao động có chuyên môn kỹ thuật cao rời bỏ khu vực kinh tế nhà nước chuyển sang làm việc cho khu vực kinh tế tư nhân (các cơ sở tư nhân trong nước hoặc các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài). Hiện tượng này quả là đáng lo ngại vì nó chứng tỏ khu vực kinh tế nhà nước làm ăn kém hiệu quả, thu nhập của người lao động thấp, trong khi đáng lẽ nó phải tăng trưởng và phát triển mạnh mẽ để xứng

đáng giữ vị trí chủ đạo trong nền kinh tế, chi phối các thành phần kinh tế khác.

Song điều đáng lo sợ hơn lại là lao động có trình độ chuyên môn (nhất là trình độ cao) không được sử dụng đúng ngành nghề chuyên môn, phải bỏ nghề hoặc không có điều kiện để làm việc có hiệu quả, đang gây nên sự lãng phí lớn tiềm năng trí tuệ của lực lượng lao động nước ta có cách khác “teo chất xám”, “bạc chất xám” là hiện tượng đáng sợ hơn “chảy chất xám” từ khu vực này sang khu vực khác của nền kinh tế.

Tình hình trên đòi hỏi một mặt phải tiếp tục đổi mới có chế quản lý, sử dụng và trả lương ở khu vực kinh tế nhà nước để từng bước nâng cao hiệu quả của khu vực kinh tế này, đồng thời có những đòn bẩy để giữ chân người tài; mặt khác, tích cực tạo môi trường thuận lợi để phát huy hết mọi tài năng, tạo xu hướng: việc khó tìm người tài, người tài tìm việc khó có hiệu quả cao....

Kết quả là mọi người làm việc phù hợp với khả năng và sở trường của mình (đương nhiên phải tính đến cả yếu tố cung-cầu và giá cả sức lao động) trên phạm vi toàn xã hội, lao động tiến dần tới chỗ toàn dụng.

++ Trong vấn đề thực hiện các chính sách xã hội cần phải chăm lo giải quyết vấn đề nhà ở cho nhân dân, nhất là ở các vùng đô thị; phát triển các doanh nghiệp nhà nước xây dựng và kinh doanh nhà ở, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia xây dựng và kinh doanh theo sự hướng dẫn và quản lý của Nhà nước. Để từ đó giúp họ nâng cao mức sống, có điều kiện thỏa mãn được các nhu cầu lợi ích cơ bản của con người (ăn, mặc, ở... và các dịch vụ cần thiết). Đó chính là cơ sở vật chất, tinh thần, năng suất lao động và công tác của người lao động.

Như vậy, nhu cầu lợi ích không phải chỉ là động lực mạnh mẽ kích thích của riêng sản xuất, mà còn là động lực thúc đẩy toàn bộ sự hoạt động của con người nói chung, bởi vì *“tất cả những gì mà con người đấu tranh để*

giành lấy đều dính liền với lợi ích của họ". Vấn đề giải quyết việc làm giúp họ nâng cao mức sống, có điều kiện thỏa mãn được các nhu cầu cơ bản của con người, theo chúng tôi là một trong những động lực cực kỳ quan trọng thúc đẩy người ta hành động và thông qua đó gây nên những biến đổi trong tiến trình vận động của lịch sử khi nói đến nhu cầu lợi ích vật chất và nhu cầu, lợi ích tinh thần. Bởi vì, các nhu cầu, lợi ích vật chất và tinh thần gắn bó hết sức chặt chẽ với nhau trong sự hình thành và phát triển hai mặt thống nhất của con người. Nhưng nhìn chung, trong tính tổng thể của sự tồn tại và phát triển của con người thì xét đến cùng nhu cầu, lợi ích vật chất bao giờ cũng quan trọng hơn nhu cầu, lợi ích tinh thần, bởi lẽ nó trực tiếp ảnh hưởng vào thỏa mãn các nhu cầu mang tính quyết định đối với sự tồn tại của cái thể xác- cái cơ chất mà trên đó tinh thần của con người nảy nở và phát triển.

Chính sách lao động, chính sách tiền lương, khen thưởng làm cơ sở cho việc thực hiện nguyên tắc lợi ích, là một động lực quan trọng bậc nhất trong quá trình động viên lực lượng lao động đi vào công cuộc phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Vấn đề tạo ra động lực để kích thích tích cực lao động, tích cực xã hội của người lao động; làm cho học năng động, thiện chí, cầu tiến (có ý chí, có tham vọng). Từ đó đi đến chỗ sáng tạo, là một vấn đề cực kỳ quan trọng trọng tổ chức quản lý vĩ mô, cũng như vi mô, nguồn lực con người, lực lượng lao động. Tất nhiên trong đó có chính sách lương, thưởng, chính sách đãi ngộ, quan hệ đối xử, nhưng không phải chỉ có lợi ích vật chất mà lợi ích tinh thần cũng cực kỳ quan trọng.

Nhu cầu, lợi ích vật chất là cơ sở để tồn tại; nhu cầu lợi ích tinh thần là đặc trưng của con người. Vì vậy, tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, sự say mê và lương tâm nghề nghiệp, niềm tin, quyền tự do, dân chủ, công bằng xã hội ...đều là những động lực hết sức mạnh mẽ đưa con người đến cuộc sống năng động và cần cù lao động, xả thân vì sự nghiệp chung, nâng cao

năng suất, tăng tính thích nghi sáng tạo. Đó chính là điều kiện đảm bảo sự phát triển con người, phát triển đất nước, phát triển nhân loại.

- Thứ ba: Phát triển và nâng cao các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin đại chúng và các phương tiện vui chơi giải trí đáp ứng nhu cầu đời sống văn hóa- tinh thần của người lao động.

Tăng cường các biện pháp và phối hợp lực lượng của toàn xã hội, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; đấu tranh mạnh mẽ và bền bỉ nhằm ngăn chặn, loại trừ các văn hóa phẩm độc hại và các tệ nạn xã hội. Phải nuôi dưỡng ở mỗi người, nhất là thế hệ trẻ ý chí cách mạng, tình cảm và hành động cách mạng. Đây chính là nội dung cốt yếu trong nhân cách văn hóa của con người Việt Nam, các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đi vào CNH, HĐH đã lĩnh hội và sáng tạo các giá trị trong quá trình con người, cộng đồng, dân tộc, loài người sinh sống và hoạt động; là kinh nghiệm, vốn sống, tri thức (học vấn); là toàn bộ sự phong phú về tinh thần và vật chất của con người và của cộng đồng. Văn hóa được duy trì và phát triển bằng con đường giáo dục và tự giáo dục. Chính vì vậy văn hóa và giáo dục rất gắn bó với nhau, như hình với bóng.

Từ đó, chúng ta thấy rằng tri thức, kỹ năng phải gắn liền với thái độ, trước hết là thái độ tích cực xây dựng cuộc sống, tích cực tham gia công việc đổi mới xã hội, đem lại lợi ích cho bản thân, gia đình và xã hội. Liên theo đó là thái độ cư xử tử tế, văn minh, lịch sử, thể hiện cả trong sản xuất, công tác, học tập cũng như trong quan hệ gia đình, bè bạn, cộng đồng, tập thể. Đó chính là lối sống văn hóa chứa đựng các giá trị truyền thống của cộng đồng, dân tộc và loài người.

Đồng thời khắc phục lại xu hướng quay lưng lại với truyền thống, coi thường di sản văn hóa và bản sắc dân tộc, đối lập hiện đại hóa và phát huy truyền thống. Phải kết hợp được văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc với tiếp thu

trinh hoa văn hóa nhân loại; biết đảm việc nhà, kết hợp với lo việc nước, phát huy được truyền thống cộng đồng, làng, xã, mà lại tránh được tập quán “*phép vua thua lệ làng*”. Thực hiện xã hội công dân có Nhà nước pháp quyền, con người vừa phát huy hết tiềm năng, biết lao động, lao động, lao động đua tranh, tạo ra hiệu quả cao; vừa phải sống có đạo lý, có tình nghĩa, biết lao động hết mình và biết sống có văn hóa, biết làm cho tư duy ngày càng có căn cứ khoa học và duy lý trong xã hội công nghiệp, tiếp thu nhanh, nhạy cảm với cái mới, biết áp dụng kỹ thuật công nghệ, nhưng phải có cuộc sống tình cảm phong phú – con người công nghệ và nhân văn; coi trọng cuộc sống tâm linh, tín ngưỡng nhưng không mê tín, dị đoan...

Truyền thống và hiện đại là hai mặt phát triển ở mỗi thời điểm lịch sử nhất định. Vì vậy không được đồng nhất hoặc tách biệt chúng, càng không được tuyệt đối hóa mặt này mà phủ nhận mặt kia. Con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong lịch sử đã được rèn luyện, thử thách suốt quá trình xây dựng đất nước, bảo vệ đất nước, giao lưu quốc tế... Vì vậy, truyền thống của dân tộc ta rất sâu đậm và phong phú, trong đó bao gồm những yếu tố tích cực như đoàn kết thương người, chịu khó, cần cù...đồng thời cũng có mặt hạn chế, tiêu cực như tính cục bộ địa phương, sự phân biệt đẳng cấp ngôi thứ, thói ích kỷ, tệ cường hào...

Chính vì vậy trong điều kiện hiện nay, chỉ quan tâm đến lợi ích vật chất, chỉ lo việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đơn thuần, mà lơ là công việc giáo dục giá trị truyền thống dân tộc thì sẽ dẫn đến những hậu quả tai hại, làm hư hỏng con người, thậm chí cả thể hệ người. Bởi vì mặt trái của nền kinh tế thị trường cùng với tệ quan liêu, sự yếu kém trong điều hành và quản lý đã, đang tác động không tốt đến mọi cá nhân, gia đình và xã hội. Hiện nay, trong xã hội ta có tình trạng, một số người có chức quyền, kinh tế khá giả (thậm chí giàu có) nhưng vẫn tham gia móc ngoặc, buôn lậu. Trái lại có những người

nghèo (thậm chí rất nghèo), nhưng không chịu lao động chân chính, chỉ lo làm giàu bằng những thủ đoạn lừa đảo. Bên cạnh còn một lớp người (thường là trẻ tuổi) không học hành, không làm việc, chỉ lo ăn chơi và từ đây dẫn đến những tệ nạn xã hội. Điều này đòi hỏi nhằm giải quyết có những hiệu quả những vấn đề đang gây sự trở ngại lớn cho quá trình CNH, HĐH đất nước.

Kinh nghiệm Nhật Bản, kỳ tích Nhật Bản và các nước công nghiệp mới Châu Á chỉ ra rằng CNH, HĐH chỉ có thể thành công trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại, với trình độ đa số công dân có trình độ học vấn, nghề nghiệp chuyên môn nhất định và họ thể hiện chúng trong công cuộc lao động sáng tạo vì bản thân và vì dân tộc.

Trên đây là một số giải pháp chủ yếu nhằm phát huy tích cực của nhân tố con người trong quá trình CNH, HĐH đất nước. Việc thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp trên sẽ kích thích tính năng động, lòng nhiệt tình và tài năng sáng tạo của người lao động của nước ta. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ngày càng phát triển thì tính tích cực của người lao động càng tăng lên một cách hợp quy luật CNH, HĐH cần đến tích cực của người lao động, đồng thời nó cũng làm nảy nở phát huy cao độ tính tích cực của họ.

KẾT LUẬN

Trong lịch sử nhân loại đã trải qua nền văn minh nông nghiệp hàng ngàn năm, mấy trăm năm sống trong nền văn minh công nghiệp và hiện nay đang bước vào nền văn minh trí tuệ. Còn chúng ta đang thực hiện bước chuyển từ văn minh nông nghiệp sang văn minh trí tuệ bằng con đường CNH, HĐH. Đó không chỉ đơn giản là công cuộc xây dựng kinh tế mà là quá trình biến đổi cách mạng sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội (kinh tế, chính trị, văn hóa, con người...). Thực chất của quá trình này như Đảng ta đã xác định là vì con người, vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc của quần chúng nhân dân lao động. Mọi sự phát triển về kinh tế, xã hội, văn hóa đều tư tưởng về con người, vì cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn của mỗi người, mỗi gia đình trong cộng đồng dân tộc Việt Nam. CNH, HĐH vì mục tiêu con người đó được Đảng ta xác định phải lấy sự phát triển con người Việt Nam làm thước đo chung.

Tuy nhiên, mục tiêu vì con người, vì hạnh phúc của nhân dân đó không phải do một lực lượng siêu nhiên nào đó tiến hành mà do chính con người Việt Nam với những phẩm chất và năng lực đã và đang ngày một nâng lên cho phù hợp với điều kiện, tình hình cũng như nhiệm vụ của cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đảng ta, xuất phát từ quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, do nhân dân tiến hành đang lãnh đạo cả nước làm cuộc cách mạng – cách mạng chống lại nghèo nàn lạc hậu bằng con đường CNH, HĐH theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong tất cả các nguồn lực hiện có, nguồn lực con người (nhân tố con người) được Đảng ta xác định là vốn quý nhất, là động lực và đồng thời là mục tiêu, là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Hơn 80 năm

qua dưới sự lãnh đạo của Đảng mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh con người Việt Nam đã vươn lên không ngừng và đã trở thành hình ảnh đẹp của con người Việt Nam mới – con người của thời đại cách mạng vĩ đại. Thế giới đã hết sức ca ngợi nhân dân Việt Nam, con người Việt Nam về chủ nghĩa anh hùng cách mạng, về trí tuệ thông minh, tinh thần yêu chuộng tự do, hòa bình, tinh thần đoàn kết quốc tế, lòng nhân đạo cao cả, tinh thần lạc quan yêu đời... Những giá trị tinh thần cao quý đó chính là một trong những thành tựu to lớn của con người Việt Nam đã đạt được trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng mình khỏi thân phận những kẻ áp bức nô lệ bị áp bức bóc lột, trở thành những người làm chủ đất nước, làm chủ bản thân mình. Tuy người lao động Việt Nam hiện vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập, thiếu sót do đặc trưng của nền kinh tế nông nghiệp chi phối. Nhưng cũng có nhiều ưu điểm được đúc kết từ những truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc. Trong công cuộc đổi mới theo hướng CNH, HĐH hiện nay, người lao động Việt Nam ngày càng bộc lộ những đức tính mới và những triển vọng phát triển tốt đẹp. Tuy nhiên con đường phát triển không bằng phẳng, dễ dàng mà Đảng ta và Nhà nước và cả dân tộc ta phải phấn đấu với nghị lực và quyết tâm cao hơn rất nhiều. Quá trình này đòi hỏi con người phải vươn lên chiến thắng trở ngại, hạn chế yếu kém của bản thân, mà cả dân tộc đều phải nỗ lực cao để chiến thắng nghèo nàn lạc hậu.

Ở một số quốc gia có nhiều khi họ phải tốn nhiều tiền để đầu tư vào cơ sở vật chất – kỹ thuật, nhưng vẫn không phát triển nhanh được, vì họ đã không nhận thức được vai trò của nhân tố con người trong quá trình sản xuất xã hội. Rất nhiều công ty đã chú ý đổi mới công nghệ, nhưng lại không chú ý đào tạo, đổi mới yếu tố con người nên đã không thành công. Thậm chí nhiều khi đã nhận thức vai trò nhân tố con người, nhưng chưa nhận thức sâu sắc, đủ mức cần thiết nên họ cũng chưa có sự quan tâm đầu tư đúng mức để phát triển

nhân tố con người trong quá trình phát triển của đất nước. Thực tế đã chứng minh những công nghiệp phát triển đều là những nước đã đầu tư cao nhất để phát triển nhân tố con người. Còn phần lớn những nước lạc hậu, chậm phát triển do không biết quan tâm đầu tư đúng mức vấn đề này. Tuy nhiên, không phải cứ bỏ ra thật nhiều tiền là có thể nhanh chóng phát triển con người. Bên cạnh việc đầu tư cao cho con người, còn phải kết hợp với sự hiểu biết đúng đắn về con người, đồng thời phải có nhiều biện pháp, chính sách phù hợp mới có thể phát triển con người và qua đó phát triển sản xuất nhanh chóng.

Coi con người là nhân tố quyết định sự nghiệp đổi mới theo hướng đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Đại hội VIII của Đảng đã xác định một trong những nhiệm vụ trung tâm của chúng ta hiện nay là : *“phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững”* . Điều này thể hiện tư tưởng nổi bật của đường lối Đổi mới của Đảng là đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược ổn định và phát triển – xã hội. Đó chính là chiến lược của con người, do con người và vì con người. Lấy tư tưởng *“ Vì con người và giải phóng nhân loại”* của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác và tư tưởng Hồ Chí Minh về sự nghiệp trồng người làm nền tảng, Đảng ta đã *“Chăm lo hạnh phúc của con người”* ra sức phát huy nhân tố con người, xây dựng con người và các thể hệ người Việt Nam gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong sáng, có năng lực tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và tư duy sáng tạo và tác phong công nghiệp, có tính tổ chức và kỹ thuật cao, có thể lực tốt, phát triển nguồn nhân lực *“ vừa hồng, vừa chuyên”*.

Giữa CNH, HĐH với con người có mối quan hệ biện chứng với nhau. CNH, HĐH đặt ra những yêu cầu mới về chất lượng nguồn nhân lực, từ chất lượng con người cá thể đến chất lượng cả một thế hệ của người lao động ở mọi ngành nghề, mọi lĩnh vực. Nó là môi trường, là điều kiện để con người

bộ lộ năng lực, tinh sáng tạo, tạo đà phát triển, hoàn thiện nhân cách. Ngược lại, đến lượt nó, sự phát triển của nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực thúc đẩy CNH, HĐH phát triển. Không có nguồn nhân lực con người được bồi dưỡng và phát huy, thì những tiềm năng to lớn của đất nước không thức dậy và khai thác, do đó sẽ bị lãng phí và mai một nhanh chóng. Vì vậy, trong hoạt động của mình Đảng, nhà nước và các tổ chức đoàn thể, cần phải có những chính sách, biện pháp cụ thể nhằm phát huy nội lực cùng ngoại lực để phục vụ công cuộc CNH, HĐH đất nước.

Trong vấn đề phát huy nhân tố con người để khai thác hết khả năng, sức mạnh và vai trò của nhân tố con người, điều đầu tiên Đảng ta phải quan tâm đó là vấn đề giáo dục và đào tạo, đặc biệt là đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học, công nhân lành nghề, quan tâm nhiều hơn đến lớp trẻ - sinh viên tốt nghiệp đại học có chuyên môn kỹ thuật... Bởi giáo dục và đào tạo sẽ tạo nên những con người có đủ đức và tài (năng lực và phẩm chất) nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của CNH, HĐH. Bên cạnh đó cần phải có những chính sách xã hội nhằm đáp ứng những nhu cầu vật chất và tinh thần của con người; phát huy quyền dân chủ cho mọi người từ đó tạo môi trường dân chủ cho con người sống, lao động, học tập và đóng góp khả năng, sự sáng tạo của mình. Đồng thời, phải đặc biệt quan tâm đến việc “*phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc*” nhằm xây dựng và bồi dưỡng những con người Việt Nam hòa nhập nhưng không hòa tan, không đánh mất mình, lấy những giá trị tốt đẹp trong truyền thống để làm nền tảng tiếp thu cái mới, cái văn minh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Hữu Ái, Nguyễn Tấn Hùng (2010), *Triết học* (dùng cho Đào tạo sau đại học không thuộc chuyên ngành triết học), NXB Đà Nẵng.
- [2] Phan Thị Thanh An (6-2001), “ Phát huy tích cực của con người Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, *Tạp chí Triết học*, (số 3).
- [3] Phạm Như Cương (1978), *Vấn đề xây dựng con người mới*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Trọng Chuẩn (1994), “Nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, tạp chí *Triết học*, (số 2) tr. 3-5.
- [5] Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Thế Nghĩa, Đặng Hữu Toàn (2002), *Công nghiệp hóa hiện đại hóa ở Việt Nam lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] Vũ Huy Chương (2002), *Vấn đề tạo nguồn nhân lực tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Hồ Anh Dũng (2001), *Phát huy nguồn lực con người trong lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] Thành Duy (2001), *Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà nội.
- [9] Nguyễn Bá Dương (2002), “ Phát triển nguồn nhân lực – động lực của quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước”, *tạp chí Khoa học xã hội*, (số 2) (54).
- [10] Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, NXB Sự thật, Hà Nội.

- [11] Đảng Cộng sản Việt Nam (1982), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, NXB Sự thật, Hà Nội.
- [12] Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB Sự thật, Hà Nội.
- [13] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Sự thật, Hà Nội.
- [14] Đảng Cộng sản Việt Nam (1993), *Văn kiện đại hội nghị lần thứ tư ban Chấp hành Trung ương khóa VII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [15] Đảng Cộng sản Việt Nam (1994), *Văn kiện đại hội nghị lần thứ bảy ban Chấp hành Trung ương khóa VII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [16] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [17] Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Sự thật, Hà Nội
- [18] Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện đại hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [19] Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VIII*, Hà Nội.
- [20] Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện đại hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [21] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Sự thật, Hà Nội.

- [22] Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện đại hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [23] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế xã hội của nước ta đến năm 2000*, NXB. Sự thật, Hà Nội.
- [24] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [25] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [26] Phạm Minh Hạc (2001), *Giáo dục nhân cách – đào tạo nhân lực*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [27] Trần Đình Hoan và Lê Mạnh Khoa (2001), *Sử dụng nguồn lao động và giải quyết việc làm ở Việt Nam*, NXB Sự thật, Hà Nội.
- [28] Lê Quang Hoan (2002), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội
- [29] C, Mác – Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Tr 11.
- [30] C, Mác – Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 1995, Tr 257.
- [31] C, Mác – Ph.Ăngghen (1995) *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [32] C, Mác – Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [33] C, Mác – Ph.Ăngghen (1995) *Toàn tập*, tập 21, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [34] C, Mác – Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- [35] C, Mác – Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 26, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội., Ph.III.tr 960.
- [36] C, Mác – Ph.Ăngghen (1996) *Toàn tập*, tập 27, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Tr 657 -658.
- [37] Hồ Chí Minh (1976), *Về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội*, NXB Sự thật, Hà Nội.
- [38] Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [39] Đỗ Mười (1993), “*Chăm sóc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh*”, tạp chí Thông tin Lý luận, số 3 (182).
- [40] Nguyễn Thế Nghĩa (1997), *Hiện đại hóa ở Việt Nam*, NXB Giáo dục.
- [41] Ph.Ăngghen, *Biện chứng của tự nhiên*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1971.
- [42] Tổng cục thống kê (2012), *Niên giám thống kê 2011*, NXB thống kê, Hà Nội.
- [43] *Từ điển triết học giản yếu* (1991), NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội
- [44] V.I. Lênin (1997), *Toàn tập*, tập 38, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
- [45] *Vấn đề con người trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa* (1996), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [46] Hồ Trọng Viện (2002)“*Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*”. *Tạp chí Khoa học Xã hội*, (số 2) (54).

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I. QUY MÔ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Bảng 1: Thống kê số lượng học sinh, sinh viên, trung cấp chuyên nghiệp từ năm học 2005 – 2006 đến 2011 – 2012* (đơn vị 1000 người).

Năm học	Mẫu giáo	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
2005- 2006	2426,9	7304,0	6371,3	2975,3
2008- 2009	2774,0	6731,6	5468,7	2927,6
2009- 2010	2909,0	6908,0	5163,2	2840,9
2010- 2011	3061,3	7043,3	4945,2	2804,3
Sơ bộ 2011- 2012	3320,3	7101,0	4926,4	2754,2

Năm học	Số học sinh trung cấp chuyên nghiệp		Số sinh viên đại học, cao đẳng	
	Công lập	Ngoài công lập	Công lập	Ngoài công lập
2005	422,7	77,6	1226,7	160,4
2008	496,7	132,1	1501,3	218,2
2009	524,3	175,4	1656,4	299,8
2010	499,3	186,9	1828,2	333,9
2011	461,1	157,8	1873,1	335,0

(Số liệu năm học 2011 – 2012 là tại thời điểm 30/9)

Bảng 2: Phát triển giáo dục mầm non

Năm học	Trường	Lớp (nghìn lớp)	Học sinh (nghìn học sinh)	Giáo viên (nghìn giáo viên)
2005- 2006	10927	93,9	2426,9	117,2
2008- 2009	10271	103,9	2774,0	138,1
2009- 2010	12265	106,6	2909,0	144,5
2010- 2011	12678	119,4	3061,3	157,5
Sơ bộ 2011- 2012	13174	118,0	3322,3	174,0

PHỤ LỤC 2. SỰ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG Ở CÁC KHU VỰC (TẠI THỜI ĐIỂM 30.9.2011)

TT	Vùng	Trường			Học sinh			Giáo viên		
		Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
	Toàn quốc	15337	10243	2350	7100950	4926401	2754210	366045	311970	150133
1	Đồng bằng sông Hồng	2730	2434	577	1431880	1053902	673457	67979	51242	20045
2	Trung du và miền núi phía Bắc	2932	2394	397	970252	672899	339884	84452	78970	37288
3	Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	3791	2547	580	1549273	1212897	777876	28167	21965	10448
4	Tây Nguyên	1195	718	164	558640	390447	193037	28167	21965	10448
5	Đông Nam Bộ	1487	763	282	1090273	704499	378884	42604	36599	21644
6	Đồng bằng sông Cửu Long	3202	1387	350	1500632	891757	391072	72436	54092	24407

